



Số: 409 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, trình độ Cao đẳng:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	2.670	118

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ điện và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;

- Như Điều 3 (t/l).

- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng, Ánh;

Gửi bản giấy:

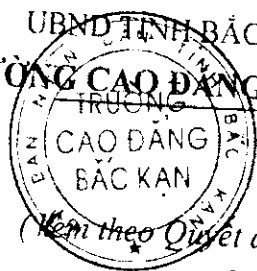
- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;

- Lưu: VT, ĐT. **TL**

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số: 409/QĐ – CDBK, ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)*

Tên ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Mã ngành, nghề: 6510201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy – Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

(Người học tốt nghiệp được cấp bằng cao đẳng và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo đội ngũ kỹ sư thực hành nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ cao đẳng có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - xã hội

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Vận dụng được kiến thức cơ bản về Chế tạo máy để tính toán, thiết kế các chi tiết máy theo yêu cầu cho trước
- + Trình bày được nguyên tắc, trình tự chuẩn bị phục vụ quá trình sản xuất;
- + Phân tích bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Phân loại tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt;
- + Giải thích hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 - 2245;
- + Phân tích độ chính xác gia công và phương pháp đạt độ chính xác gia công;
- + Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo của nghề Cắt gọt kim loại;
- + Phân tích quy trình vận hành, điều chỉnh khi gia công trên các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số (*tiện, phay CNC*);
- + Xác định được trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và máy móc.

- Kỹ năng:



- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
- + Tính toán, thiết kế quy trình công nghệ gia công cơ đạt yêu cầu kỹ thuật;
- + Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ cầm tay;
- + Gia công lắp dựng các sản phẩm cơ khí kết cấu loại nhỏ bằng phương pháp hàn
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo của nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí;
- + *Hàn được các mối hàn ở các vị trí hàn bằng, hàn đứng, hàn ngang bằng các phương pháp SMAW, GTAW, GMAW.*
- + Vận hành các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy đạt yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;
- + Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá;
- + Chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản;
- + Vận hành và điều chỉnh được các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số (*tiện phay CNC*) để gia công chi tiết máy đạt yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm
- + Giải quyết vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi
- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
- + Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- + Làm cán bộ kỹ thuật tại các công ty, nhà máy, phân xưởng chế tạo, lắp ráp thiết bị, máy móc
- + Đội trưởng sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- + Tự tổ chức và quản lý một phân xưởng sản xuất cơ khí độc lập
- + Trực tiếp gia công trên các máy tiện, máy phay vạn năng và máy tiên, máy phay CNC để chế tạo các chi tiết máy theo yêu cầu bản vẽ;
- + Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: **39**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **2.670** giờ; **118** tín chỉ
- + Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435** giờ; **20** tín chỉ
- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **2.235** giờ; **97** tín chỉ
- + Khối lượng lý thuyết: **805** giờ; Thực hành, thực tập, Thí nghiệm: **1.430** giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1. Nội dung chương trình môn học, mô đun bắt buộc

11 / 3 / 2017

UK

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	05
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	02
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	04
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	04
MH 05	Tin học	3	75	15	58	02
MH 06	Tiếng anh	5	120	42	72	06
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	98	2235	835	1307	93
1	Các môn học, mô đun cơ sở	25	420	299	98	23
MH 07	Vẽ kỹ thuật	3	45	30	13	02
MH 08	AUTOCAD	2	45	15	28	02
MH 09	Cơ lý thuyết	2	30	28	0	02
MH 10	Sức bền vật liệu	2	30	28	0	02
MH 11	Dung sai – Đo lường kỹ thuật	2	30	28	0	02
MH 12	Vật liệu cơ khí	2	30	28	0	02
MH 13	Nguyên lý – Chi tiết máy	3	45	43	0	02
MH 14	Kỹ thuật điện	2	30	28	0	02
MH 15	Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp	2	30	28	0	02
MH 16	Quản trị doanh nghiệp	2	30	28	0	02
MĐ 17	Nguội cơ bản	3	75	15	57	03
2	Các môn học, mô đun chuyên môn	50	1335	341	954	40

MH 18	Nguyên lý cắt	2	30	28	0	02
MH 19	Công nghệ chế tạo máy	3	45	43	0	02
MĐ 20	Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài, tiện rãnh cắt đứt	5	120	30	86	04
MĐ 21	Tiện lỗ, tiện côn	2	45	15	28	02
MĐ 22	Phay mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng, bậc	4	90	30	56	04
MĐ 23	Kỹ thuật gia công nhôm kính	4	105	15	86	04
MĐ 24	Tiện ren tam giác	3	75	15	57	03
MĐ 25	Tiện ren vuông	3	75	15	57	03
MĐ 26	Phay đa giác	3	45	15	28	02
MĐ 27	Phay bánh răng trụ răng thẳng	2	45	15	28	02
MĐ 28	Hàn điện hồ quang	5	120	30	86	04
MĐ 29	Hàn Mag cơ bản	4	90	30	56	04
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp	10	450	60	386	04
3	Môn học, mô đun tự chọn	23	480	180	256	29
Tổng I+II:		118	2670	977	1563	115
Tỷ lệ % Lý thuyết/ thực hành				36.5 %	63.5 %	

3.2. Nội dung chương trình mô đun tự chọn:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MĐ 31	Tiện ren thang	3	75	15	56	04
MD- KNS1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	02
MD - KNS2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	02
MĐ 32	Tiện CNC cơ bản	3	60	30	26	04

MĐ 33	Phay CNC cơ bản	3	60	30	26	04
MĐ 34	Khí nén – Thủy lực	3	60	30	26	04
MĐ 35	Tiền lệch tâm, tiền định hình, gá lắp phức tạp	3	60	15	41	04
MĐ 36	Hàn Tig cơ bản	2	45	15	28	02
MĐ 37	Phay rãnh, cắt đứt chốt đuôi én, chữ T	3	60	30	27	03
MĐ 38	Gá lắp kết cấu hàn	2	45	15	28	02
MĐ 39	Công nghệ hàn nâng cao trong môi trường khí bảo vệ	2	45	15	28	2
Tổng:		22	480	165	286	29

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo các Thông tư, văn bản quy định hiện hành của Bộ lao động – Thương binh & Xã hội và các Bộ liên quan đã ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học có thể bố trí cho học sinh tham quan, thực tập tại một số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

Thời gian thực hiện các hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau đây:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm trong năm, ngoài giờ trên lớp
2	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
3	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể ...	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt chuyên đề...
4	Tham quan, dã ngoại	Mỗi năm một hoặc hai lần
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên bộ môn/ khoa và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đôn hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đôn: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đôn: + Lý thuyết: Không quá 120 phút
+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đôn: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đôn.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ kết quả các môn học, mô đôn và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo tính bằng tuần và giờ học.

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được qui đổi như sau:

+ Một (01) giờ học thực hành, mô đôn là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

+ Một (01) ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đôn không quá 08 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 06 giờ.

+ Một (01) tuần học không quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

- Bố trí thời gian học trong tuần:

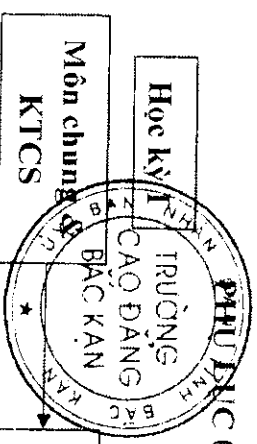
+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (*Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*)

+ Thực hành, thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần (*Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*)

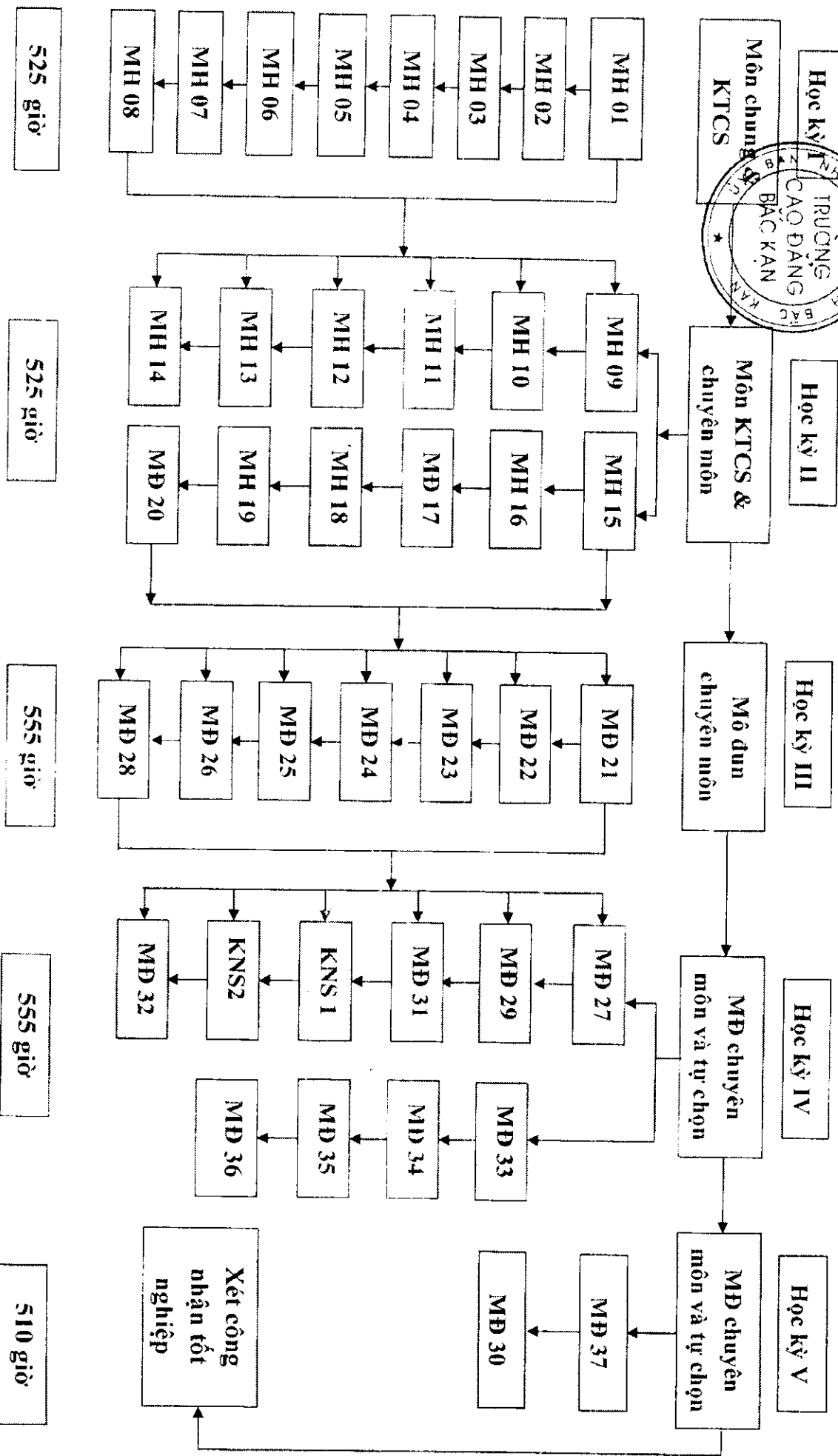
- Đối với các mô đôn tự chọn: Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn các mô đôn trong chương trình với tổng số giờ tối thiểu là 480 giờ.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.





PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN



525 giờ

525 giờ

555 giờ

555 giờ

510 giờ



UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 408 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/ngành: Công nghệ ô tô
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/ngành: Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Công nghệ ô tô	6510216	2.715	113

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ giới đường bộ và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

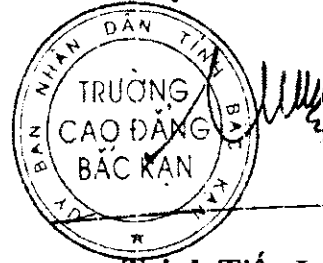
Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ánh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT *HL*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 408/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc khóa học người học có khả năng:

Trang bị kiến thức chuyên môn nghề chuyên ngành và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, hiểu biết được hoạt động của nghề chuẩn đoán các sai hỏng, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; tiếp cận các khoa học kỹ thuật công nghệ ứng dụng vào chuẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; có đủ sức khỏe, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô.
- Mô tả được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô.
- Phát hiện ra được các hiện tượng, nguyên nhân hư hỏng của các cơ cấu và hệ thống trên ô tô.
- Đưa ra được các phương pháp kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.
- Biết được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trên ô tô.
- Nêu được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.



Handwritten signature

- Mô tả được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô.

- Nêu được nội dung và những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng và công nghệ thông tin, tiếng anh đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.2. Kỹ năng:

- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề Công nghệ ô tô.

- Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.

- Thực hiện bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn.

- Lái được xe ô tô an toàn và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trong bãi tập.

- Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô.

- Chấp hành an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

- Có năng lực tiếng Anh bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chấp hành kỷ luật và tác phong công nghiệp.

- Có khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập để chia sẻ kinh nghiệm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.

- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc.

- Tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, thiết bị máy móc, bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng trong quá trình làm việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Người lao động kỹ thuật có trình độ Cao đẳng sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp, các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các cơ sở đào tạo nghề; được phân công làm việc ở các vị trí:

- Trưởng dây chuyền lắp ráp, giám sát chất lượng.

- Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô.

- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô.
- Kỹ thuật viên cho các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.
- Kỹ thuật viên sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.
- Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Có thể tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 39
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2715 giờ; số tín chỉ: 113 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ; số tín chỉ: 20 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1530 giờ; số tín chỉ: 62 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 593 giờ; Thực hành, thực tập, thảo luận: 1292 giờ;
Kiểm tra: 80 giờ
- Khối lượng các mô đun tự chọn: 750 giờ; số tín chỉ: 31 tín chỉ

3. Nội dung chương trình

3.1. Nội dung chương trình bắt buộc

Mã MĐ	Tên mô đun	Tín chỉ	Thời gian của môn học (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	62	1530	436	1037	57
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	375	241	112	22
MH 07	Cơ ứng dụng	2	30	28	0	2
MH 08	Vật liệu học	2	30	28	0	2

MH 09	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 10	Vẽ kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 11	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	28	0	2
MH 12	An toàn lao động	1	15	13	0	2
MH 13	Tổ chức và quản lý sản xuất	2	30	28	0	2
MĐ 14	Điện tử cơ bản	2	45	15	28	2
MĐ 15	Thực hành Autocad	2	45	15	28	2
MĐ 16	Thực hành Nguội cơ bản	2	45	15	28	2
MĐ 17	Thực hành Hàn cơ bản	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	41	1155	195	925	35
MĐ 18	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	45	15	28	2
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	3	75	15	57	3
MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	75	15	57	3
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	75	15	57	3
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	3	75	15	57	3
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	75	15	57	3
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	120	30	86	4
MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	5	120	30	86	4
MĐ 26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	15	28	2
MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	45	15	28	2
MĐ 29	Thực tập tại cơ sở sản xuất	8	360	0	356	4

	Cộng/Tỷ lệ %	82	1965	593 (30%)	1292 (66%)	80 (4%)
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	31	750	180	539	31
	Tổng cộng/Tỷ lệ %	113	2715	773 (30%)	1831 (66%)	111 (4%)

3.2. Nội dung chương trình mô đun tự chọn

II.3	Môn học, mô đun tự chọn	Tín chỉ	Thời gian của môn học (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
MĐ 30	Thực hành mạch điện cơ bản	3	75	15	57	3
MĐ 31	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	45	15	28	2
MĐ 32	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống Điều hòa không khí trên ô tô	4	90	30	56	4
MĐ 33	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	4	90	30	56	4
MĐ 34	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	3	75	15	57	3
MĐ 35	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	5	120	30	86	4
MĐ 36	Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử	5	120	30	86	4
MĐ 37	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 38	Kiểm tra và sửa chữa Pan ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 39	Kỹ thuật kiểm định ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 40	Kỹ thuật lái xe ô tô	3	75	15	57	3
MĐ-KNS 1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ-KNS 2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
	Cộng	40	975	225	710	40

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

- Chương trình môn học, mô đun đào tạo (*nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo*). Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, Doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất Nhà trường, sẽ tiến hành lựa chọn một trong các mô đun trong chương trình mô đun tự chọn với tổng số giờ là: 750 giờ

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường.

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất.

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh.

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan thực tế (ngoại khóa)	01 lần/ năm học

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác.

- Lý thuyết: Tối đa 30 giờ/tuần

- Thực hành/tích hợp: Tối đa 40 giờ/tuần.

- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

- Dựa theo chương trình này khi đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng sẽ giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun mà trong chương trình Trung cấp chưa giảng dạy.

- Sau khi lựa chọn các môn học thuộc chương trình đào tạo nêu trên, có thể bố trí lại thứ tự các môn học trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý và giảng dạy.

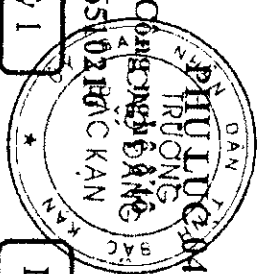
Hiệu trưởng



Trịnh Tiên Long

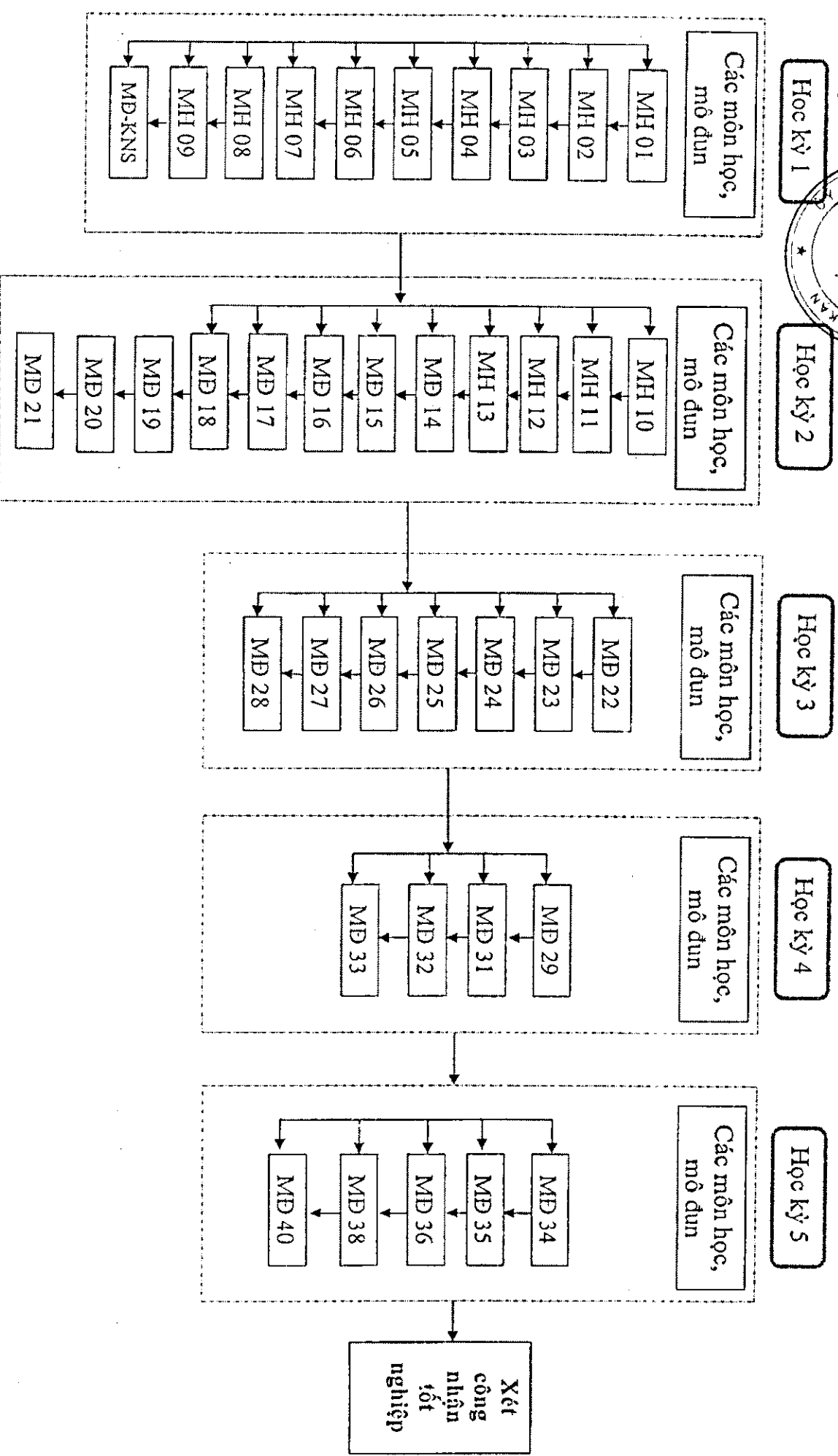
BẮC KẠN

Sho



Tên nghề: Công nghệ 6 & 8
Mã nghề: 651021HC KAN

PHỤ LỤC 4: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN



1/2024



UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 407 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Điện công nghiệp
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Điện công nghiệp, trình độ Cao đẳng:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Điện công nghiệp	6520227	2670	109

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ điện và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

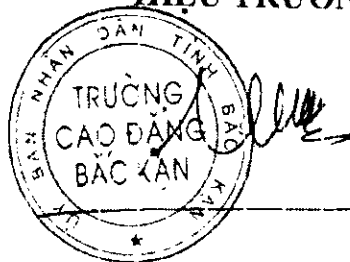
Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diêu, Chung, Tùng; Ánh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(kèm theo Quyết định số 407/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 6520227

Trình độ đào tạo: Cao đẳng.

Hình thức đào tạo: Chính quy – Phương thức: Tích lũy Mô đun hoặc Tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm.

Người học sau khi tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nghề "Điện công nghiệp" trình độ cao đẳng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức tốt, có lương tâm nghề nghiệp có khả năng làm việc độc lập trong lĩnh vực như bảo dưỡng hệ thống điện, điện công nghiệp xây dựng, giao thông;

Chương trình nghề Điện công nghiệp trang bị cho người học kiến thức lý thuyết chuyên môn nghề và kỹ năng thực hành về Điện công nghiệp;

Người học có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ cho mình.

1.2. Mục tiêu cụ thể

*** Kiến thức:**

- Hiểu được các biện pháp an toàn về lĩnh vực nghề điện:
 - + Lắp đặt
 - + Sửa chữa
 - + Vận hành
- Mô tả cấu tạo, nguyên lý hoạt động của:
 - + Khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng.
 - + Mạch điện máy công cụ.
 - + Mạch điện dân dụng.
- Đọc Hiểu được các ký hiệu trong:



- + Mạch điện máy công cụ.
 - + Mạch điện dân dụng.
 - Phân tích được sự cố thường gặp, đề ra hướng giải quyết sự cố trong;
 - + Khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng.
 - + Mạch điện máy công cụ.
 - + Mạch điện dân dụng.
 - Trình bày quy trình kiểm tra bảo trì, sửa chữa, lắp đặt, vận hành;
 - + Khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng.
 - + Mạch điện máy công cụ.
 - + Mạch điện dân dụng.
 - Vận dụng được các nguyên tắc trong thiết kế cấp điện và đặt phụ tải cho các hộ dùng điện xác định (1 phân xưởng, một hộ dùng điện...)
 - Biết cách lập kế hoạch, triển khai lắp đặt, bảo dưỡng, sử dụng và sửa chữa được tủ điện công nghiệp, tủ phân phối, tủ điều khiển - truyền động, hệ thống điện nhà, các thiết bị điện.
 - Biết phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý/thay thế mới, cải tiến tương đương trong phạm vi nghề nghiệp. Có khả năng ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ vào thực tế.
 - Đạt trình độ Tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, trình độ B Tin học hoặc tương đương.
- * Kỹ năng:**
- Thực hiện đúng qui định an toàn điện;
 - Sửa chữa, bảo trì, được một số khí cụ điện, máy điện, thiết bị điện gia dụng đúng yêu cầu kỹ thuật;
 - Lắp đặt được một số mạch điện máy công cụ và mạch điện dân dụng theo bản vẽ thiết kế hoặc có người hướng dẫn;
 - Vận hành được các thiết bị điện trong máy công cụ, phân xưởng, nhà máy, tòa nhà;
 - Lập trình và kết nối được các bộ điều khiển khả trình PLC, vi điều khiển để thực hiện các bài toán cơ bản. Xác định và sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các hệ thống điều khiển tự động;
 - Quản dây động cơ không đồng bộ 3 pha, 1 pha, máy biến áp công suất nhỏ, đo kiểm linh kiện ứng dụng cho ngành điện;
 - Sửa chữa, bảo trì và chỉnh định được các thiết bị điện trên các dây chuyền sản xuất, đảm bảo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật;

(Handwritten signature)

- Xử lý được một số tình huống phức tạp trong quá trình làm việc của thiết bị, khí cụ điện và mạch điện;

- Đọc, hiểu, lắp đặt và vận hành được các thiết bị điện có công nghệ hiện đại theo tài liệu hướng dẫn.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Chấp hành kỷ luật và tác phong công nghiệp;

- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc;

- Tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, thiết bị máy móc, bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng trong quá trình làm việc;

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm, hướng dẫn, điều hành, đánh giá hoạt động, viết kết quả thực hiện của nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm Kỹ thuật viên chuyên ngành Điện công nghiệp;

- Đảm nhận các công việc vận hành, bảo trì, sửa chữa các thiết bị điện, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp;

- Làm việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo trì, sửa chữa thiết bị điện của các nhà máy, phân xưởng;

- Làm việc trong các công ty xây lắp công trình điện;

- Làm việc trong các công ty, xí nghiệp sản xuất công nghiệp trong các thành phần kinh tế xã hội.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 31

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2670 giờ; 109 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ; 20 tín chỉ;

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2235 giờ; 89 tín chỉ;

- Khối lượng giờ giảng: lý thuyết: 775 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1796 giờ; Kiểm tra: 99 giờ;

- Khối lượng kiến thức phân tự chọn: 13 tín chỉ (300 giờ);

- Thời gian toàn khóa: 2,5 năm.

T. C. A. 1. 1

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, TN, TL, BT	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	89	2235	618	1541	76
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	14	255	155	85	15
MH 07	An toàn điện	1	15	13	0	2
MH 08	Mạch điện	3	60	27	30	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật-Vẽ điện	2	30	28	0	2
MH 10	Vật liệu điện -khí cụ điện	3	45	42	0	3
MD 11	Kỹ thuật hàn cơ bản	2	45	15	28	2
MD 12	Điện tử cơ bản	3	60	30	27	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	62	1680	373	1260	47
MD 13	Điều khiển khí nén	4	90	30	56	4
MD 14	Đo lường điện	3	60	30	27	3

Nguyễn Văn...

MĐ 15	Máy điện	5	120	30	86	4
MH 16	Cung cấp điện	2	30	28	0	2
MĐ 17	Trang bị điện 1	6	150	30	116	4
MĐ 18	Điện tử công suất	3	60	30	27	3
MĐ 19	PLC cơ bản	3	75	15	57	3
MĐ 20	Kỹ thuật xung số	4	90	30	56	4
MĐ 21	Kỹ thuật cảm biến	2	45	15	28	2
MĐ 24	PLC nâng cao	4	90	30	56	4
MĐ 25	Thiết bị lạnh gia dụng	5	120	30	86	4
MĐ 27	Kỹ thuật lắp đặt điện	6	120	60	56	4
MĐ 29	Máy biến tần	2	45	15	28	2
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	13	585	0	581	4
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	13	300	60	226	14
MH 22	Lập trình C	2	45	15	28	2
MĐ 23	Lập trình vi điều khiển	3	75	15	57	3
MĐ 26	Thiết bị điện gia dụng	3	75	15	57	3
MĐ 28	Chuyên đề Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	2	45	15	28	2
MĐ 30	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ 31	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
MĐ 33	Hệ thống thiết bị phụ trong nhà máy thủy điện	2	45	15	28	2
MĐ 34	Vận hành thiết bị điện	2	45	15	28	2
MĐ 35	Thực hành vận hành	6	150	30	116	4
	Tổng cộng	109	2670	745	1826	99
	Tỷ lệ % Lý thuyết/Thực hành			27,9%	72,09%	

* **Ghi chú:** Đối với môn học, mô đun tự chọn căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu người học sẽ lựa chọn tối thiểu 300 giờ, 13 tín chỉ.

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo các Thông tư, văn bản quy định hiện hành của Bộ lao động – Thương binh & Xã hội và các Bộ liên quan đã ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học có thể bố trí cho học sinh tham quan, thực tập tại một số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

Thời gian thực hiện các hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau đây:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm trong năm, ngoài giờ trên lớp
2	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
3	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể ...	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt chuyên đề...
4	Tham quan, dã ngoại	Mỗi năm một hoặc hai lần
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên bộ môn/ khoa và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Theo quy chế hiện hành



- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ kết quả các môn học, mô đun và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo tính bằng tuần và giờ học.

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được qui đổi như sau:

+ Một (01) giờ học thực hành, mô đun là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

+ Một (01) ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đun không quá 08 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 06 giờ.

+ Một (01) tuần học không quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần. *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*

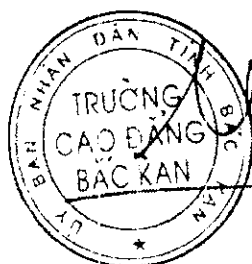
+ Thực hành, thực tập: 40 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THPT). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*

- Hướng dẫn phân mô đun tự chọn: Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, căn cứ nhu cầu người học, điều kiện thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn các mô đun trong chương trình đào tạo với tổng số giờ tối thiểu là 300 giờ.

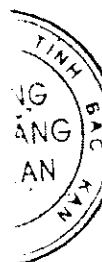
- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

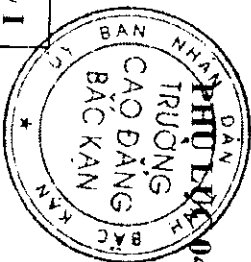


HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



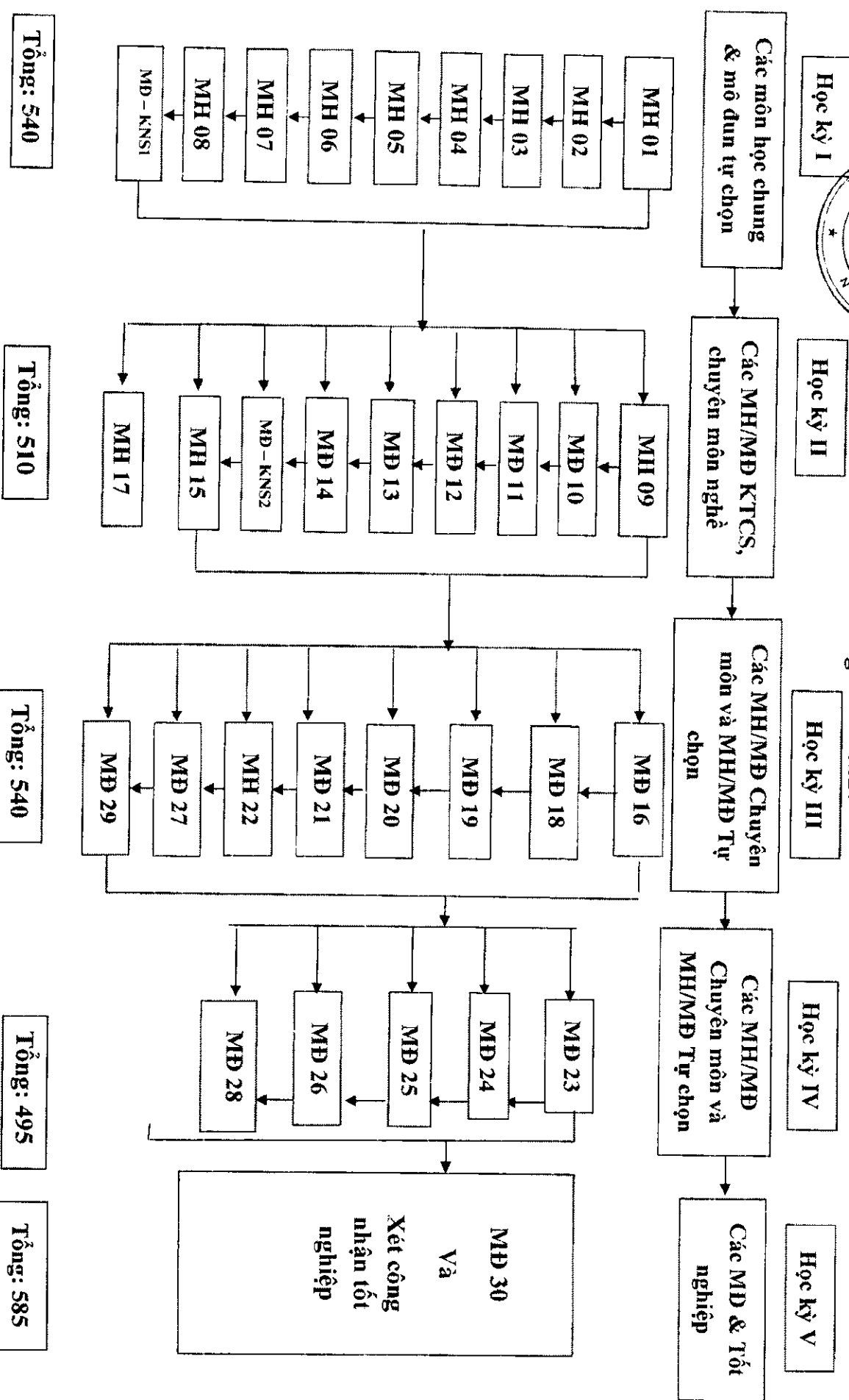


PHỤ TỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC MÔ ĐUN

TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 6520227





Số: 406 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Khoa học cây trồng (sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Khoa học cây trồng, trình độ Cao đẳng:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Khoa học cây trồng	6620108	2.595	109

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Nông lâm và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

Gửi ban điện tử:

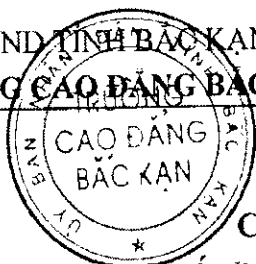
- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng, Ánh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. **H**



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 406/QĐ-CDBK, ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Khoa học cây trồng

Mã ngành, nghề: 6620108

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức đào tạo tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm.

Người học tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

Thực hiện được quy trình trồng, chăm sóc, bảo quản sản phẩm và phòng trừ các đối tượng sâu bệnh hại phổ biến trên một số cây trồng chính. Có phương pháp quản lý tổ/nhóm trong sản xuất kinh doanh hiệu quả. Nghiên cứu và ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được:

- + Các phương pháp thí nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành.
 - + Những kiến thức chung về sinh lý, sinh hóa, phân loại thực vật và côn trùng bệnh cây đại cương.
 - + Phương pháp chọn tạo giống cây trồng phổ biến tại địa phương.
 - + Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, điều tra, phát hiện, phòng trừ sâu bệnh hại và bảo quản các loại cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả
- Có khả năng ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Bố trí thí nghiệm, thu thập các số liệu làm cơ sở khoa học để đánh giá các chỉ tiêu theo dõi.

- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

1.2.2. Kỹ năng

- Trình diễn được phương pháp thí nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Lựa chọn được các chủng loại giống cây trồng; đưa ra quy trình trồng, chăm sóc phù hợp với các cây trồng chính tại địa phương.

- Thực hiện được việc điều tra phát hiện nguyên nhân và dự tính dự báo dịch hại trên cây trồng.

- Xác định được các đối tượng sâu bệnh hại trên một số cây trồng chính tại địa phương và đưa ra được biện pháp phòng trừ hiệu quả.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)

- Viết và báo cáo được khóa luận tốt nghiệp theo chuyên đề.

1.2.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm

- Có phương pháp quản lý tổ/nhóm sản xuất trong lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả

- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và trong nông hộ.

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.

- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ khuyến nông hoặc các tổ chức hội trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

- Quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ giống cây trồng; bảo vệ thực vật; phân bón.

- Có thể học liên thông lên trình độ Đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: **33**;

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2.595** giờ, **109** tín chỉ

+ Khối lượng các môn học chung: **435** giờ, **20** tín chỉ

+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1.965** giờ, **81** tín chỉ.

+ Khối lượng các mô đun tự chọn: **195** giờ, **8** tín chỉ.

+ Khối lượng lý thuyết: 795 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 1.697 giờ; Kiểm tra: 103 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH/M Đ	Tên môn học, mô đun	Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	81	1.965	593	1.302	70
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>21</i>	<i>390</i>	<i>220</i>	<i>150</i>	<i>20</i>
MH 07	Sinh lý thực vật	4	90	54	30	6
MH 08	Dinh dưỡng cây trồng và phân bón	3	60	28	30	2
MH 09	Hóa sinh thực vật	2	30	28	0	2
MH 10	Phân loại thực vật đại cương	2	45	13	30	2
MH 11	Sinh thái nông nghiệp	3	60	28	30	2
MH 12	Pháp luật chuyên ngành	2	30	28	0	2
MH 13	Di truyền thực vật	2	30	28	0	2
MH 14	Côn trùng đại cương	3	45	13	30	2
<i>II.2</i>	<i>Mô đun chuyên môn</i>	<i>60</i>	<i>1575</i>	<i>373</i>	<i>1152</i>	<i>50</i>
MH 15	Bệnh cây đại cương	3	45	13	30	2
MĐ 16	Phương pháp thí nghiệm	3	60	30	28	2
MĐ 17	Chọn tạo giống cây trồng	3	60	30	28	2
MĐ 18	Nghiệp vụ khuyến nông lâm	3	60	30	28	2
MĐ 19	Sử dụng thuốc BVTV	3	60	30	28	2
MĐ 20	Trồng và quản lý dịch hại cây lương thực	4	90	30	54	6
MĐ 21	Trồng và quản lý dịch hại cây ăn quả	6	90	30	54	6
MĐ 22	Trồng cây công nghiệp ngắn ngày	4	90	30	54	6
MĐ 23	Trồng và quản lý dịch hại cây lâm	3	90	30	54	6

	nghiep					
MĐ 24	Trồng và quản lý dịch hại cây rau	4	90	30	54	6
MĐ 25	Trồng nấm ăn và nấm dược liệu	4	90	30	54	6
MĐ 26	Trồng và quản lý dịch hại cây dược liệu	3	60	30	28	2
MĐ 27	Trồng và quản lý dịch hại cây hoa	3	60	30	28	2
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	14	630		630	
III	Mô đun tự chọn	8	195	45	140	10
MĐ 29	Công nghệ sinh học đại cương	2	45	15	28	2
MĐ 30	Quản lý kinh tế hộ trang trại NLN	3	60	30	26	4
MĐ 31	Bảo quản chế biến nông sản	2	45	15	28	2
MĐ 32	Sử dụng máy nông nghiệp	2	45	15	28	2
MĐ 33	Hệ thống canh tác	2	45	15	28	2
MĐ 34	Chăn nuôi đại cương	2	45	15	28	2
MĐ - KNS 1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ - KNS 2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
Tổng Cộng		109	2.595	795	1.697	103
Tỷ lệ (%)				32	65	3

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong thời gian đào tạo, ngoài thời gian thực học Nhà trường có thể tổ chức một số hoạt động ngoại khóa như sau:

- Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên: 4 - 6 giờ.
- Giáo dục về giới tính: 4 - 6 giờ.
- Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 4 giờ.
- Tham gia phong trào thanh niên tình nguyện: 8 - 24 giờ
- Tổ chức diễn đàn “thanh niên lập nghiệp” phát triển kinh tế gia đình: 4 - 6 giờ.
- Thăm quan học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y: 8 - 24 giờ.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học/mô đun

Việc kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được áp dụng theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi

xét công nhận tốt nghiệp và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của học sinh để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Hướng dẫn khác

- Đối với môn học/ mô đun: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết. Thời gian kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần, trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.

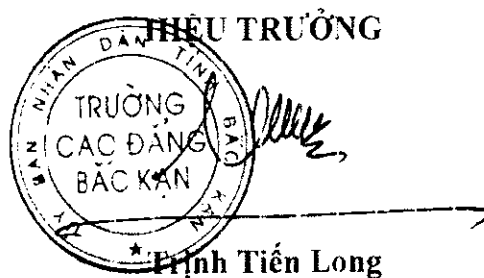
+ Thực hành, thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần, trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.

* Hướng dẫn phần modul tự chọn:

Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn trong các mô đun trong chương trình tự chọn với tổng số giờ tối đa là 210 giờ.

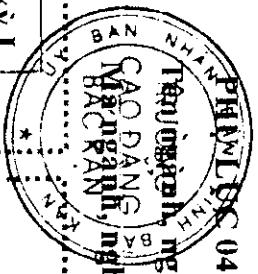
- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

HIỆU TRƯỞNG

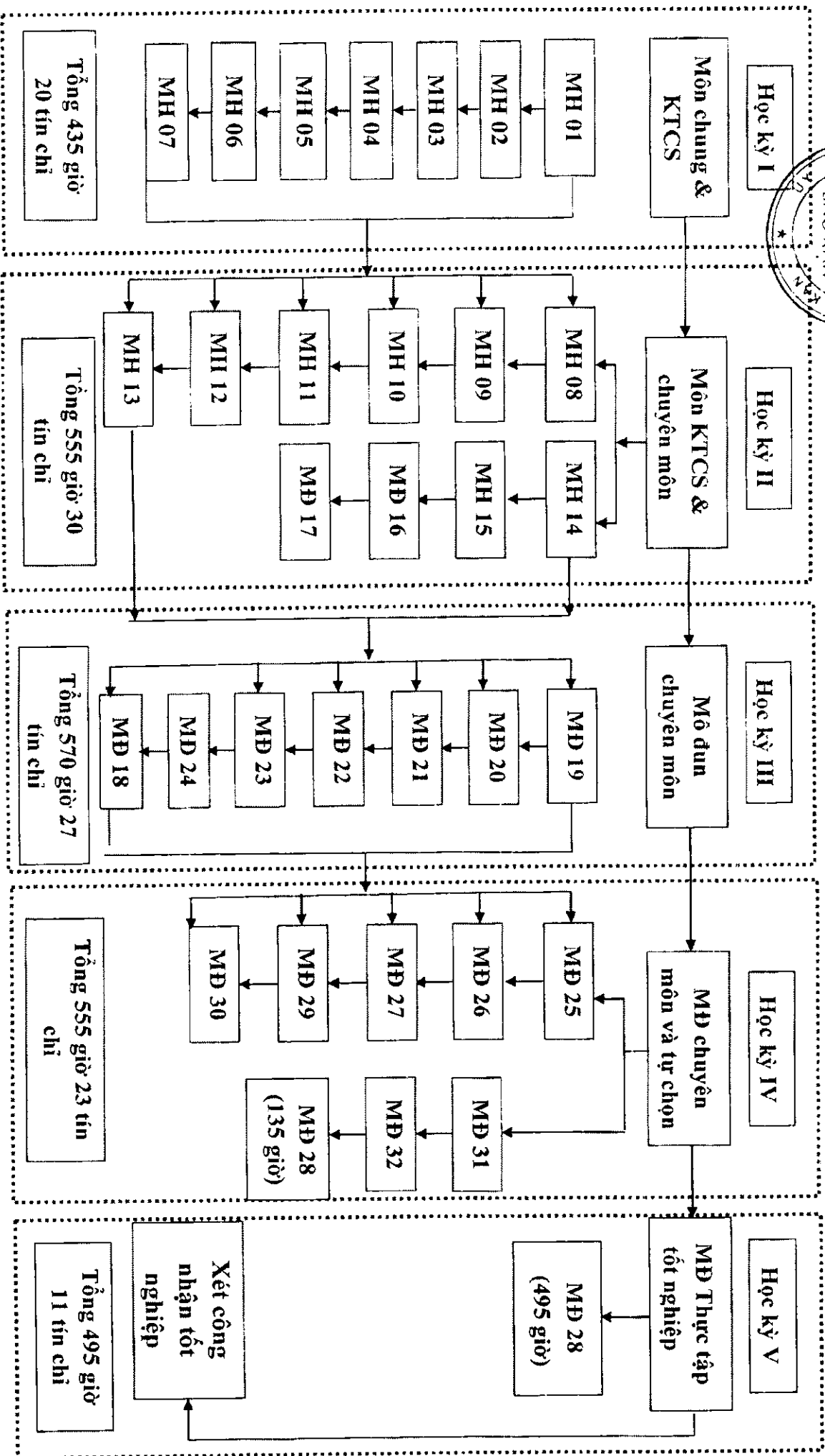


* **Trịnh Tiến Long**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN



PHẦN I.04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN
Tên ngành, nghề: Khoa học cây trồng
Mã ngành, nghề: 6620108



Số: 400 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Thú y
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Thú y, trình độ Cao đẳng:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Thú y	6640203	2.610	111

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Nông lâm và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /p

Nơi nhận:

Giới bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ánh;

Giới bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. /cl

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiên Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 400/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021

của Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Thú y

Mã ngành, nghề: 6640203

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ hoặc mô đun

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT và tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

- Người học tốt nghiệp được cấp bằng cao đẳng và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

- Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị các bệnh phổ biến cho một số loài vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể. Quản lý được tổ/nhóm trong sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu và ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được:

+ Vị trí, hình thái, cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

+ Nguyên lý cấu tạo, quy trình sử dụng các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y. ✎

- + Hình dạng, kích thước và khả năng gây bệnh của vi sinh vật thú y.
- + Quy trình chuẩn bị thức ăn, nước uống và chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi.
- + Quy trình phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Xác định được:

- + Các chất cơ bản cấu tạo nên tế bào cơ thể động vật.
- + Các nhóm thuốc, vắc xin thường dùng trong chăn nuôi thú y.
- + Nguyên nhân của một số bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.
- + Phương pháp khuyến cáo cho các hộ chăn nuôi về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh.
- Xây dựng được phác đồ điều trị những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.
- Thiết kế được một lô thí nghiệm trên đối tượng vật nuôi cụ thể, thu thập được các số liệu làm cơ sở khoa học để viết khóa luận tốt nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được quy trình mổ khám, mổ giải phẫu, phát hiện được bệnh tích trong cơ thể vật nuôi.
- Lựa chọn được các nhóm thuốc, vaccin để phòng và trị bệnh cho vật nuôi.
- Sử dụng được các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.
- Chuẩn bị được: Chuồng trại, thức ăn, nước uống cho từng đối tượng vật nuôi, từng phương thức chăn nuôi cụ thể.
- Thực hiện được: Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi, từng phương thức chăn nuôi cụ thể.
- Phát hiện và điều trị được những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.
- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)
- Thực hiện được một lô thí nghiệm trên đối tượng vật nuôi cụ thể.
- Viết và báo cáo được khóa luận tốt nghiệp theo chuyên đề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phương pháp quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y hiệu quả.
- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và các hộ chăn nuôi. ✍

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.
- Đảm bảo vệ sinh dịch tễ và vệ sinh môi trường.
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thú y viên cơ sở.
- Quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.
- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y.
- Có thể học liên thông lên trình độ đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.610 giờ, 111 tín chỉ

Trong đó:

- + Khối lượng các môn học chung: 435 giờ, 20 tín chỉ
- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.980 giờ, 83 tín chỉ
- + Khối lượng các mô đun tự chọn: 195 giờ, 08 tín chỉ
- + Khối lượng lý thuyết: 890 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.621 giờ;

Kiểm tra: 99 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập(giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, Thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23

MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun, chuyên môn	91	2.175	733	1.366	76
<i>II.1</i>	<i>Các môn học cơ sở</i>	<i>39</i>	<i>720</i>	<i>418</i>	<i>260</i>	<i>42</i>
MH 07	Động vật học	2	30	28	0	2
MH 08	Giải phẫu – sinh lý vật nuôi	5	90	54	30	6
MH 09	Dược lý thú y	5	90	54	30	6
MH 10	Sinh hóa động vật	2	30	28	0	2
MH 11	Vi sinh vật thú y	2	45	15	28	2
MH 12	Miễn dịch học thú y	2	30	28	0	2
MH 13	Vệ sinh gia súc	2	45	15	28	2
MH 14	Giống vật nuôi	2	45	15	28	2
MH 15	Khuyến nông	2	45	15	28	2
MH 16	Luật Thú y	2	30	27	0	3
MH 17	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	45	15	28	2
MH 18	Bảo vệ môi trường và an toàn sinh học trong chăn nuôi	2	30	28	0	2

MH 19	Chẩn đoán và điều trị học thú y	3	60	28	30	2
MH 20	Ký sinh trùng thú y	4	75	40	30	5
MH 21	Phòng và trị bệnh chung cho nhiều loài gia súc và người	2	30	28	0	2
II.2	Các mô đun chuyên ngành	44	1.260	270	966	24
MĐ 22	Thức ăn chăn nuôi	4	90	30	56	4
MĐ 23	Bệnh nội, ngoại, sản khoa	3	60	30	28	2
MĐ 24	Kỹ thuật truyền giống	3	60	30	28	2
MĐ 25	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở lợn	5	105	45	56	4
MĐ 26	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở gia cầm	5	105	45	56	4
MĐ 27	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở gia súc nhai lại	5	105	45	56	4
MĐ 28	Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm	2	45	15	28	2
MĐ 29	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở chó, mèo	3	60	30	28	2
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp	14	630	0	630	0
II.3	Các mô đun tự chọn	8	195	45	140	10
MĐ-KNS 1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ-KNS 2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
MĐ 31	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở ong mật	2	45	15	28	2

MĐ 32	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở ngựa, thỏ	2	45	15	28	2
MĐ 33	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở cá nước ngọt	2	45	15	28	2
MĐ 34	Tiếng anh chuyên ngành	3	45	15	28	2
MĐ 35	Phòng trị bệnh thường xảy ra ở động vật hoang dã	3	60	30	28	2
MĐ 36	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở lươn, ếch, ba ba	3	60	30	28	2
Tổng		111	2.610	890	1.621	99
Tỷ lệ (%)				34,09	62,10	

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong thời gian đào tạo, ngoài thời gian thực học Nhà trường có thể tổ chức một số hoạt động ngoại khóa như sau:

- Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên: 4 - 6 giờ.
- Giáo dục về giới tính: 4 – 6 giờ.
- Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 4 giờ.
- Tham gia phong trào thanh niên tình nguyện: 8 -24 giờ
- Tổ chức diễn đàn “thanh niên lập nghiệp” phát triển kinh tế gia đình: 4-6 giờ.
- Thăm quan học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y: 8- 24 giờ.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học/mô đun

Việc kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được áp dụng theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra.

thi, xét công nhận tốt nghiệp và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của học sinh để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Hướng dẫn khác

- Đối với môn học/ mô đun: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết. Thời gian kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (*Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*)

+ Thực hành, thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần (*Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*)

- Đối với mô đun tự chọn: Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và tình hình cơ sở vật chất của Nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn các mô đun dưới đây thay thế mô đun tự chọn không phù hợp (tổng số giờ của các mô đun tự chọn tối thiểu là: 180 giờ).

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên

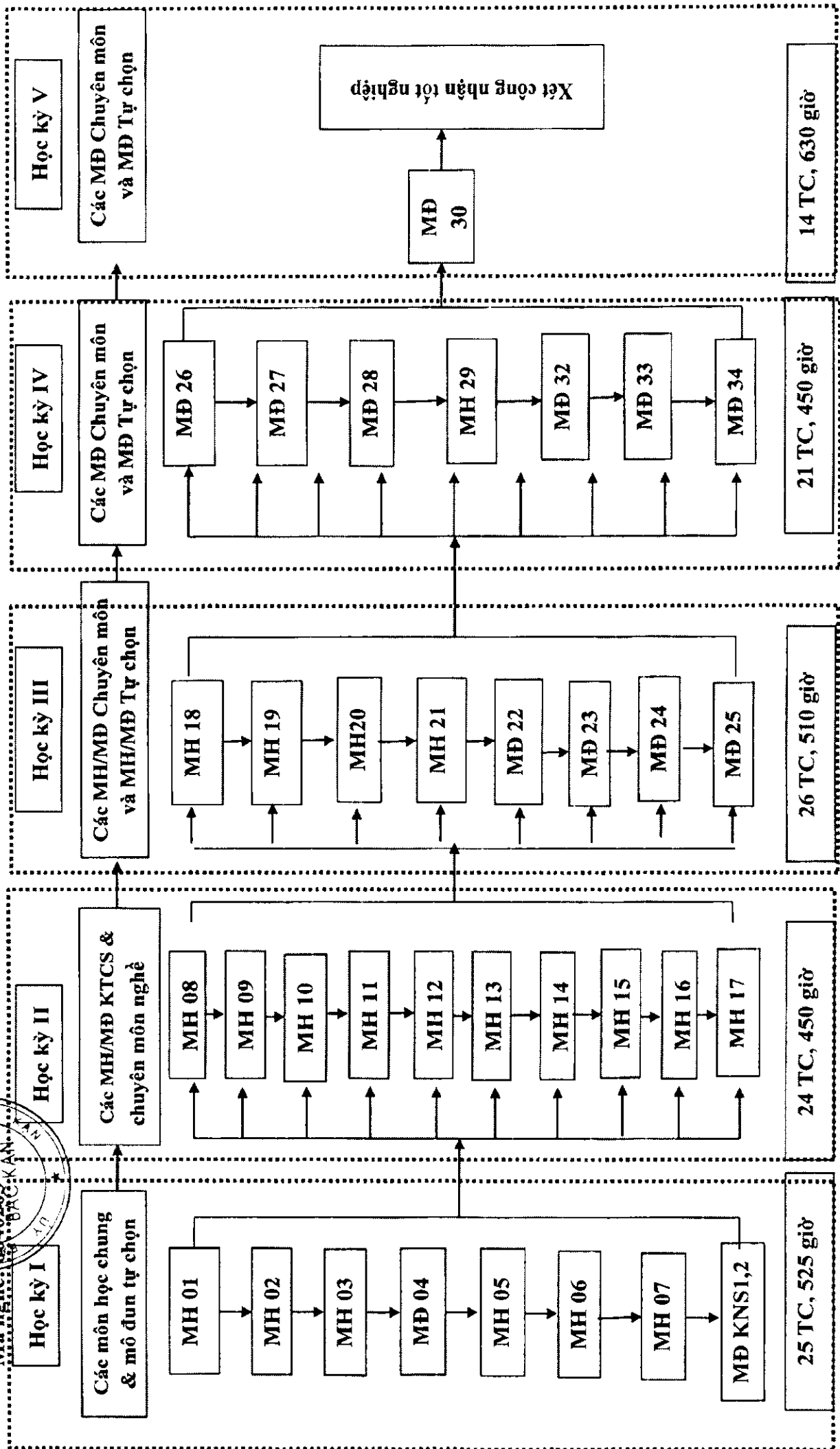
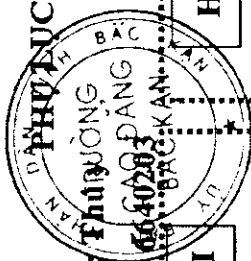
HIỆU TRƯỞNG



*Trịnh Tiên Long

PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên nghề: **Thợ nguội**
 Mã nghề: **6640203**





UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 402 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng liên thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, trình độ Cao đẳng liên thông:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	1.020	40

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ điện và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ảnh;

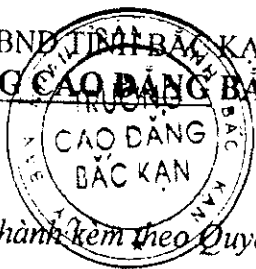
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐL *HL*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiên Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ - CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 20201
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Mã nghề: 6510201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng Liên thông

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành công nghệ cơ khí, có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Nếu chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian đào tạo: 01 năm

Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng liên thông và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo đội ngũ kỹ sư thực hành nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ cao đẳng có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - xã hội

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Vận dụng được kiến thức cơ bản về Chế tạo máy để tính toán, thiết kế các chi tiết máy theo yêu cầu cho trước
- + Trình bày được nguyên tắc, trình tự chuẩn bị phục vụ quá trình sản xuất;
- + Phân tích bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Giải thích hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 - 2245;
- + Phân tích độ chính xác gia công và phương pháp đạt độ chính xác gia công;
- + Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo của nghề công nghệ kỹ thuật cơ khí.
- + Phân tích quy trình vận hành, điều chỉnh khi gia công trên các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số (tiện, phay CNC);
- + Xác định được trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ.

UR

- **Kỹ năng:**

- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
- + Tính toán, thiết kế quy trình công nghệ gia công cơ đạt yêu cầu kỹ thuật;
- + Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ cầm tay;
- + Gia công lắp dựng các sản phẩm cơ khí kết cấu loại nhỏ bằng phương pháp hàn
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo của nghề Công nghệ kỹ thuật Cơ khí.
- + Vận hành các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy đạt yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;
- + Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm
- + Giải quyết vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi
- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
- + Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- + Làm cán bộ kỹ thuật tại các công ty, nhà máy, phân xưởng chế tạo, lắp ráp thiết bị, máy móc
- + Đội trưởng sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- + Tự tổ chức và quản lý một phân xưởng sản xuất cơ khí độc lập
- + Trực tiếp gia công trên các máy tiện, máy phay vạn năng và máy tiên, máy phay CNC để chế tạo các chi tiết máy theo yêu cầu bản vẽ;
- + Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 15
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1020 giờ; số tín chỉ: 40 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 180 giờ; số tín chỉ: 08 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 840 giờ; số tín chỉ: 32 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 234 giờ; Thực hành, thực tập, thảo luận: 606 giờ;

3. Nội dung chương trình

Mã	Tên mô đun, môn học	Số	Thời gian đào tạo (giờ)

12

MH,MD		tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	8	180	66	97	17
MH 01	Giáo dục chính trị	3	45	25	17	03
MH 02	Pháp luật	1	15	9	04	02
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	3	24	03
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	1	30	15	12	03
MH 05	Tin học	1	30	05	22	03
MH 06	Tiếng Anh	1	30	09	18	03
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	32	840	234	568	38
1	Các mô đun, môn học kỹ thuật cơ sở	7	120	84	26	10
MH 07	Autocad	3	60	30	27	03
MH 08	Nguyên lý chi tiết máy	2	30	28	0	02
MH 09	Sức bền vật liệu	2	30	28	0	02
2	Các mô đun, môn học chuyên môn nghề	25	720	135	567	18
MĐ 10	Tiện nâng cao	4	90	30	56	04
MĐ 11	Phay nâng cao	4	90	30	56	04
MĐ 12	Tiện CNC nâng cao	3	75	15	57	03
MĐ 13	Phay CNC nâng cao	3	75	15	57	03
MĐ 14	Hàn nâng cao	5	120	30	86	04
MĐ 15	Thực tập tốt nghiệp	6	270	15	255	
	Tổng cộng	40	1020	285	690	45
	Tỷ lệ %			27,9%	72,1%	

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo các Thông tư, văn bản quy định hiện hành của Bộ lao động – Thương binh & Xã hội và các Bộ liên quan đã ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

ll

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học có thể bố trí cho học sinh tham quan, thực tập tại một số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

Thời gian thực hiện các hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau đây:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm trong năm, ngoài giờ trên lớp
2	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
3	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể ...	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt chuyên đề...
4	Tham quan, dã ngoại	Mỗi năm một hoặc hai lần
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên bộ môn/ khoa và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: + Lý thuyết: Không quá 120 phút
+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ kết quả các môn học, mô đun và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo tính bằng tuần và giờ học.

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được qui đổi như sau:

+ Một (01) giờ học thực hành, mô đun là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

02

+ Một (01) ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đun không quá 08 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 06 giờ.

+ Một (01) tuần học không quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (*Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*)

+ Thực hành, thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần (*Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*)

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên. *m*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long

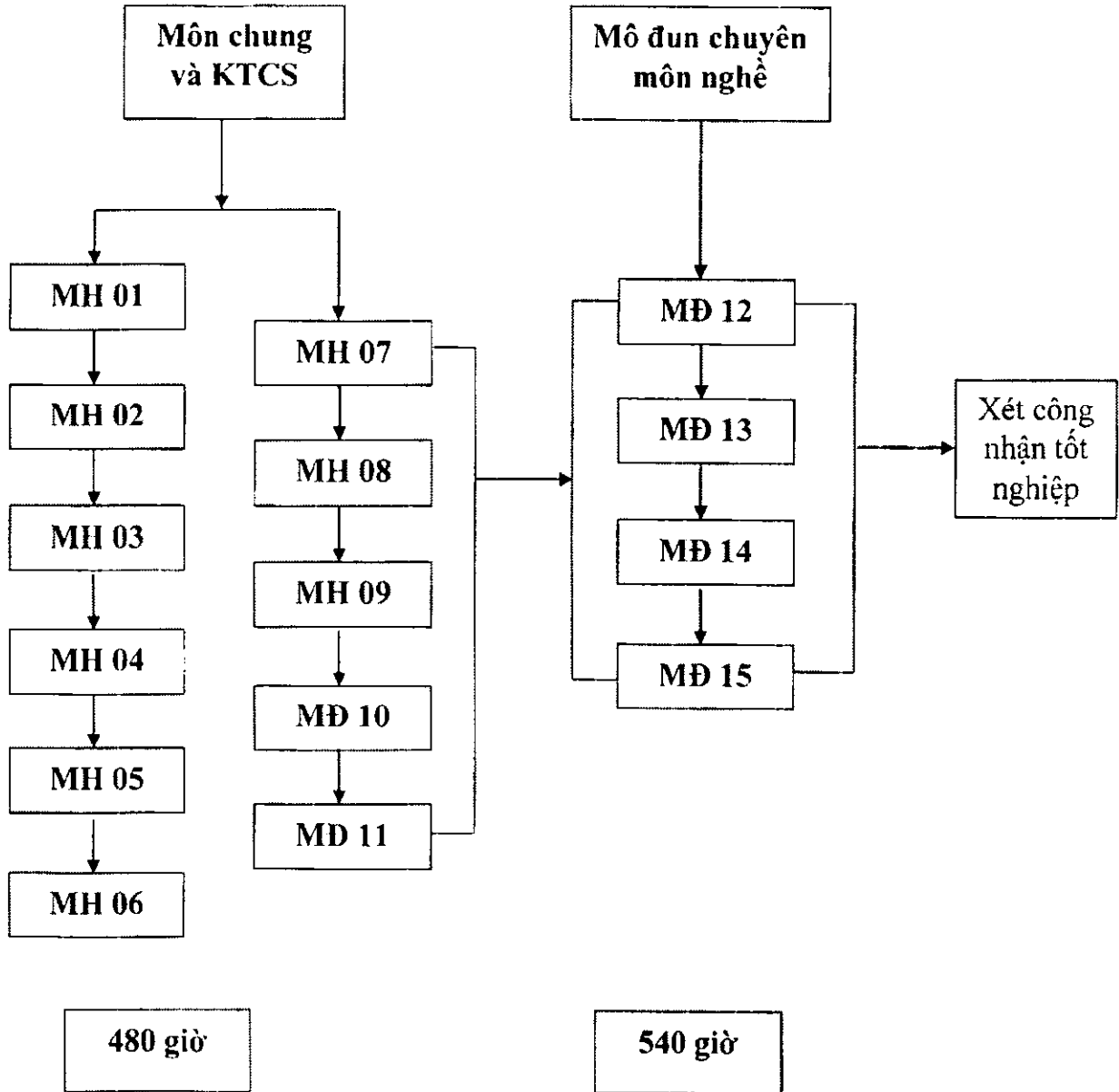
BẮC KẠN

PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO
CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN



Học kỳ I

Học kỳ II



Handwritten mark



Số: 403 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng liên thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng liên thông:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Công nghệ ô tô	6510216	975	40

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ giới đường bộ và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

Giữ bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng, Ánh;

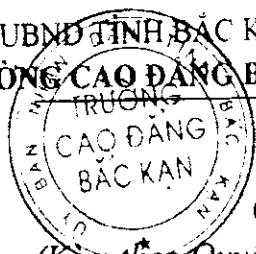
Giữ bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(~~Kèm theo~~ Quyết định số: 403/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành công nghệ ô tô, có bằng tốt nghiệp THPT hoặc Văn hóa Trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 1 năm

Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng liên thông và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc khóa học người học có khả năng:

Trang bị kiến thức chuyên môn nghề chuyên ngành và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, hiểu biết được hoạt động của nghề chuẩn đoán các sai hỏng, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; tiếp cận các khoa học kỹ thuật công nghệ ứng dụng vào chuẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; có đủ sức khỏe, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô.

- Mô tả được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô.

- Phát hiện ra được các hiện tượng, nguyên nhân hư hỏng của các cơ cấu và hệ thống trên ô tô.

- Đưa ra được các phương pháp kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Biết được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trên ô tô.

- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Mô tả được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô.

- Nêu được nội dung và những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin, tiếng anh đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.2. Kỹ năng:

- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề Công nghệ ô tô.

- Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.

- Thực hiện bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn.

- Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô.

- Lái được xe ô tô an toàn và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trong bãi tập.

- Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô.

- Chấp hành an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

- Có năng lực tiếng Anh bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chấp hành kỷ luật và tác phong công nghiệp.

- Có khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập để chia sẻ kinh nghiệm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.

- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc.

- Tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, thiết bị máy móc, bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng trong quá trình làm việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Người lao động kỹ thuật có trình độ Cao đẳng nghề sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp

ráp, các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các cơ sở đào tạo nghề; được phân công làm việc ở các vị trí:

- Làm việc tại một vị trí cụ thể, trường đây chuyên lắp ráp, giám sát chất lượng.
- Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô.
- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô.
- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.
- Thợ sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.
- Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nghề.
- Có thể tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 17
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 975 giờ; số tín chỉ: 40 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 180 giờ; số tín chỉ: 8 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 795 giờ; số tín chỉ: 32 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 285 giờ; Thực hành, thực tập, thảo luận: 648 giờ; Kiểm tra: 42 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	8	180	66	103	11
MH 01	Giáo dục chính trị	3	45	25	16	4
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	3	25	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	1	30	15	14	1
MH 05	Tin học	1	30	5	24	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	1	30	9	19	2

II	Các mô đun, môn học đào tạo nghề	32	795	219	545	1
II.1	Các mô đun, môn học kỹ thuật cơ sở	8	135	99	28	8
MH 07	Cơ ứng dụng	2	30	28	0	2
MH 08	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	28	0	2
MH 09	Tổ chức và quản lý sản xuất	2	30	28	0	2
MĐ 10	Thực hành Autocad	2	45	15	28	2
II.2	Các mô đun, môn học chuyên môn nghề	24	660	120	517	23
MĐ 11	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	45	15	28	2
MĐ 12	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa trên xe ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 13	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 14	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	5	120	30	85	5
MĐ 15	Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử	5	120	30	85	5
MĐ 16	Kiểm tra và sửa chữa Pan ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 17	Thực tập tại cơ sở sản xuất	5	210	0	206	4
	Tổng cộng/Tỷ lệ %	40	975	285 (29%)	648 (67%)	42 (4%)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường.

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất.

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên.
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan thực tế (ngoại khóa)	01 lần/ năm học

4.3. Hướng dẫn thi kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn học hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn ôn tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.


+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác.

- Lý thuyết: Tối đa 30 giờ/tuần
- Thực hành/tích hợp: Tối đa 40 giờ/tuần.
- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

Hiệu trưởng

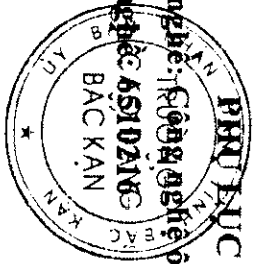


Trịnh Tiến Long

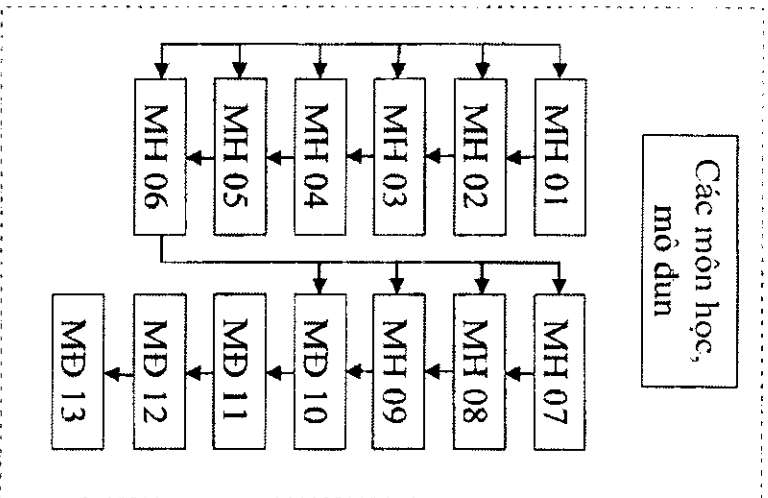
PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên nghề: Kỹ thuật Điện

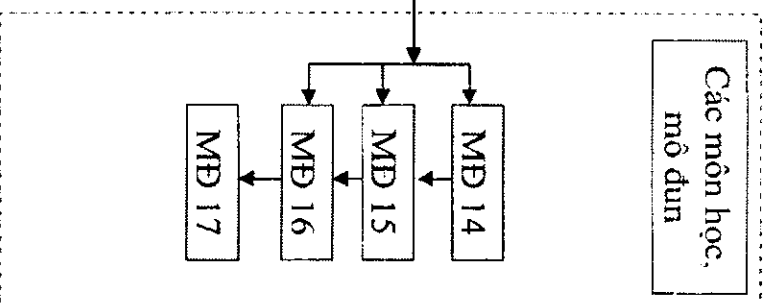
Mã nghề: 65102110



Học kỳ 1



Học kỳ 2



Xét công nhận tốt nghiệp



Số: 404 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Điện công nghiệp
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng liên thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Điện công nghiệp, trình độ Cao đẳng liên thông:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Điện công nghiệp	6520227	950	38

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ điện và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *l.v*

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

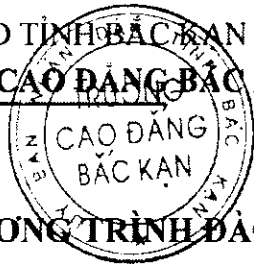
- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diêu, Chung, Tùng; Ảnh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT *l.v*



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 404/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 6520227

Trình độ đào tạo: Cao đẳng Liên thông.

Hình thức đào tạo: Chính quy – Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh:

Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề điện công nghiệp và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Nếu chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành gần với nghề điện công nghiệp thì phải học chuyển đổi theo quy định.

Thời gian đào tạo: 1 năm

1. Mục tiêu đào tạo

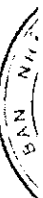
1.1 Mục tiêu chung:

- Sau khi học xong chương trình này người học sẽ có những kiến thức cơ bản về điện; có khả năng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt được các thiết bị điện công nghiệp đảm bảo yêu cầu; có thể làm việc độc lập, hoặc tổ chức hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

*** Kiến thức:**

- Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và các tính năng, tác dụng của các loại thiết bị điện, khái niệm cơ bản, quy ước sử dụng trong ngành Điện công nghiệp; *cmg*



- Vận dụng được các nguyên tắc trong thiết kế cấp điện và lắp đặt phụ tải cho các hộ dùng điện.

- Biết cách lập kế hoạch, triển khai lắp đặt, bảo dưỡng, sử dụng và sửa chữa được tủ điện công nghiệp, hệ thống điện nhà, các thiết bị điện.

- Biết phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý/thay thế mới, cải tiến tương đương trong phạm vi nghề nghiệp. Có khả năng ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ vào thực tế.

- Đạt trình độ Tiếng Anh bậc 2/6 (A2) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, trình độ B Tin học hoặc tương đương.

*** Kỹ năng:**

- Lập trình và kết nối được các bộ điều khiển khả trình PLC, vi điều khiển để thực hiện các bài toán cơ bản. Xác định và sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các hệ thống điều khiển tự động

- Sửa chữa quấn dây được động cơ không đồng bộ 3 pha, 1 pha, máy biến áp công suất nhỏ, đo kiểm linh kiện ứng dụng cho ngành điện;

- Sửa chữa, bảo trì và chỉnh định được các thiết bị điện trên các dây chuyền sản xuất, đảm bảo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật;

- Đọc, hiểu, lắp đặt và vận hành được các thiết bị điện có công nghệ hiện đại theo tài liệu hướng dẫn.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm.**

- Phối hợp làm việc nhóm để hoàn thành công việc chuyên môn; đồng thời có năng lực làm việc độc lập, tự chịu trách nhiệm. Có khả năng tự học để nâng cao năng lực chuyên môn, kèm cặp, hướng dẫn các bậc thợ thấp hơn.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trong các công ty xây lắp công trình điện;

- Làm việc trong các công ty, xí nghiệp sản xuất công nghiệp trong các thành phần kinh tế xã hội.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

Số lượng môn học, mô đun: 14

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 950 giờ; 38 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 180 giờ; 08 Tín chỉ

DA
 RUC
 O
 AC
 /
 /

CCW

- Khối lượng các môn học mô đun chuyên môn: 770 giờ; 31 Tín chỉ

- Khối lượng lý thuyết: 228 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 679 giờ; Kiểm tra 43 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	8	180	63	105	12
MH 01	Giáo dục chính trị	3	45	25	16	4
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An	1	30	14	14	2
MH 05	Tin học	1	30	5	24	1
MH 06	Tiếng anh	1	30	9	19	2
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	31	770	165	574	31
MĐ 07	Kỹ thuật điện tử	3	60	30	27	3
MĐ 08	Kỹ thuật xung số	4	90	30	55	5
MĐ 09	Kỹ thuật cảm biến	2	45	15	28	2
MH 10	Lập trình C	2	45	15	28	2
MĐ 11	Lập trình vi điều khiển	4	90	30	55	5
MĐ 12	PLC nâng cao	3	75	15	57	3
MĐ 13	Thiết bị lạnh gia dụng	4	90	30	55	5
MĐ 14	Thực tập	9	275	0	269	6
Tổng cộng		38	950	228	679	43

H / / JC / A . / /

Chung

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực thực hiện

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể được bố trí ngoài thời gian đào tạo nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

Nội dung	Thời gian
1. Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2. Văn hoá, văn nghệ - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3. Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4. Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5. Tham quan thực tế (ngoại khóa)	01 lần/ năm học

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đụn hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là TT 09) và quy chế thi kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của trường cao đẳng Bắc Kạn và quyết định của bộ LĐTB&XH.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Học sinh, sinh viên sau khi tích lũy đủ số mô đun, tín chỉ thi được xét công nhận Tốt nghiệp mà không phải thi tốt nghiệp theo các quy định hiện hành.

Chung




4.5. Các chú ý khác

* Bố trí thời gian học trong tuần:

- Lý thuyết, thực hành và tích hợp: Tối đa 25 giờ/tuần
- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện của trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

- Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
BẮC KẠN

Trịnh Tiến Long

PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MÔI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 6520227

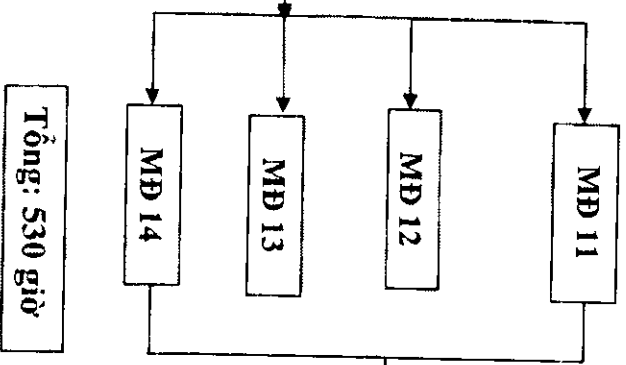
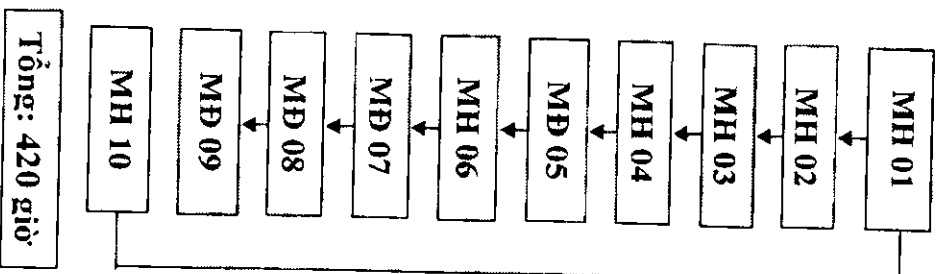


Học kì II

Các môn học chung & mô đun chuyên môn

Các MH/MD KTCS và chuyên môn nghề

Xét công nhận tốt nghiệp



Chữ ký



UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 405 /QĐ-CDBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: **Khoa học cây trồng**
(sửa đổi, bổ sung), **trình độ: Cao đẳng liên thông**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CDBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Khoa học cây trồng, trình độ Cao đẳng liên thông:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Khoa học cây trồng	6620108	990	38

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Nông lâm và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diêu, Chung, Tùng; Ảnh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. *HL*



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 405/QĐ-CĐBK, ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Khoa học cây trồng

Mã ngành, nghề: 6620108

Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông

Hình thức đào tạo: Chính quy liên thông - Phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ hoặc mô đun

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Trồng trọt và bảo vệ thực vật, có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Nếu chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì phải đảm bảo đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian đào tạo: 01 năm.

Người học tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng liên thông và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

Thực hiện được quy trình trồng, chăm sóc, bảo quản sản phẩm và phòng trừ các đối tượng sâu bệnh hại phổ biến trên một số cây trồng chính. Có phương pháp quản lý tổ/nhóm trong sản xuất kinh doanh hiệu quả. Nghiên cứu và ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được:

- + Các phương pháp thí nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành.
- + Những kiến thức chung về sinh lý, sinh hóa, di truyền thực vật.
- + Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, phát hiện, phòng trừ sâu bệnh hại và bảo quản các loại cây trồng nông lâm nghiệp.

- Có khả năng ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Bố trí thí nghiệm, thu thập các số liệu làm cơ sở khoa học để đánh giá các chỉ tiêu theo dõi.

- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

1.2.2. Kỹ năng

- Trình diễn được phương pháp thí nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Lựa chọn được các chủng loại giống cây trồng; đưa ra quy trình trồng, chăm sóc phù hợp với các cây trồng chính tại địa phương.

- Xác định được các đối tượng sâu bệnh hại trên một số cây trồng chính tại địa phương và đưa ra được biện pháp phòng trừ hiệu quả.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)

- Viết và báo cáo được khóa luận tốt nghiệp theo chuyên đề.

1.2.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm

- Có phương pháp quản lý tổ/nhóm sản xuất trong lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả

- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và trong nông hộ.

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.

- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ khuyến nông hoặc các tổ chức hội trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

- Quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ giống cây trồng; bảo vệ thực vật; phân bón.

- Có thể học liên thông lên trình độ Đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: **15**;

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **990** giờ, **38** tín chỉ

- + Khối lượng các môn học chung: **180** giờ, **08** tín chỉ.

- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **810** giờ, **30** tín chỉ.

- + Khối lượng lý thuyết: **295** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: **667** giờ; Kiểm tra: **28** giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyế t	Thực hành/Thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	8	180	63	105	12
MH 01	Chính trị	3	45	25	16	4
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	14	14	2
MH 05	Tin học	1	30	5	24	1
MH 06	Tiếng Anh	1	30	9	19	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	30	810	232	562	16
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>8</i>	<i>120</i>	<i>112</i>	<i>0</i>	<i>8</i>
MH 07	Sinh lý thực vật	2	30	28	0	2
MH 08	Hóa sinh thực vật	2	30	28	0	2
MH 09	Di truyền thực vật	2	30	28	0	2
MH 10	Phương pháp thí nghiệm	2	30	28	0	2
<i>II.2</i>	<i>Mô đun chuyên môn</i>	<i>22</i>	<i>690</i>	<i>120</i>	<i>562</i>	<i>8</i>
MĐ 11	Trồng và quản lý dịch hại cây lương thực	2	45	15	28	2
MĐ 12	Trồng và quản lý dịch hại cây ăn quả	2	45	15	28	2
MĐ 13	Trồng và quản lý dịch hại cây lâm nghiệp	2	45	15	28	2
MĐ 14	Trồng và quản lý dịch hại cây rau	3	60	30	28	2
MĐ 15	Thực tập tốt nghiệp	13	494	45	450	0
Tổng		38	990	295	667	28
Tỉ lệ %				30	67	3

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong thời gian đào tạo, ngoài thời gian thực học Nhà trường có thể tổ chức một số hoạt động ngoại khóa như sau:

- Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên: 4 - 6 giờ.
- Giáo dục về giới tính: 4 – 6 giờ.
- Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 4 giờ.
- Tham gia phong trào thanh niên tình nguyện: 8 - 24 giờ
- Tổ chức diễn đàn “thanh niên lập nghiệp” phát triển kinh tế gia đình: 4 - 6 giờ.
- Thăm quan học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y: 8 - 24 giờ.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học/mô đun

Việc kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được áp dụng theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

- + Lý thuyết: Không quá 120 phút
- + Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của học sinh để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

5. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Đề sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở đào tạo nên bố trí cho người học tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

6. Các chú ý khác

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (*Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*)

+ Thực hành, thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần (Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

- Bảo đảm tính logic, hệ thống của chương trình đào tạo cao đẳng nghề Khoa học cây trồng tạo điều kiện thuận lợi để người học có cơ hội học tập ở cấp độ cao hơn;

- Cần chú ý đến nhu cầu thị trường lao động phù hợp với từng vùng, miền, địa phương và lãnh thổ khác nhau;

- Thường xuyên cập nhật những tiến bộ khoa học, kỹ thuật về cây trồng để kịp thời bổ sung vào chương trình giảng dạy đáp ứng nhu cầu thực tế của sản xuất;

- Chương trình cao đẳng liên thông nên được đánh giá, xem xét qua từng khóa học, nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa phù hợp thực tiễn sản xuất của ngành./a

HIỆU TRƯỞNG

 Trịnh Tiến Long

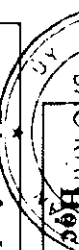
BẮC KẠN

PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên ngành, hệ: Khoa học cây trồng, hệ liên thông

Mã ngành, hệ: 6620108

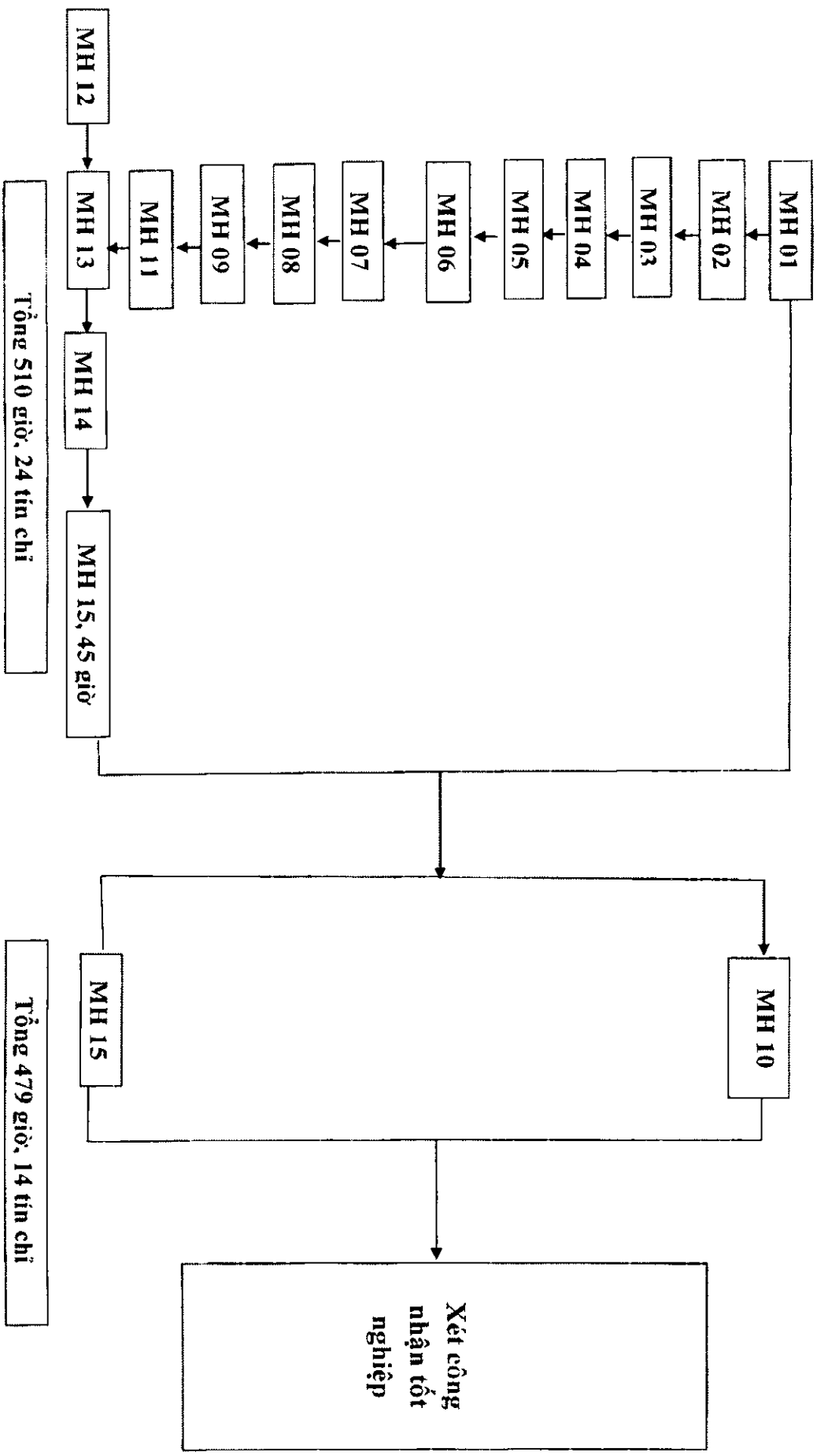
Mã Cao đẳng: BẮC KẠN Học kỳ I



Các môn học chung & môn học cơ sở

Học kỳ II

Các MH/MD cơ sở & chuyên môn nghề





Số: 401 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Thú y
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng liên thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Thú y, trình độ Cao đẳng liên thông:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Thú y	6640203	975	39

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Nông lâm và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

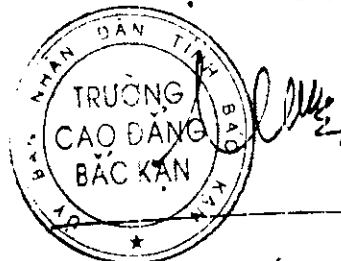
Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng, Ánh;

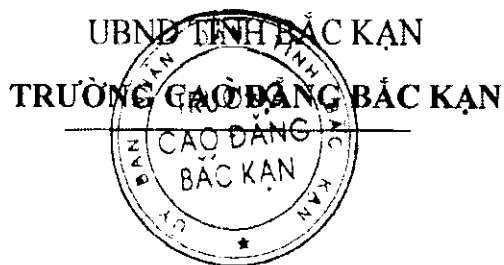
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. *HL*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiên Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 401/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021

của Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Thú y

Mã ngành, nghề: 6640203

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Liên thông chính quy - Phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ hoặc mô đun

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Thú y, Chăn nuôi thú y, có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Nếu chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian đào tạo: 01 năm

Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng liên thông và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

- Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị các bệnh phổ biến cho một số loài vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể. Quản lý được tổ/nhóm trong sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu và ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được:

+ Vị trí, hình thái, cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi. 9

+ Nguyên lý cấu tạo, quy trình sử dụng các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.

+ Hình dạng, kích thước và khả năng gây bệnh của vi sinh vật thú y.

+ Quy trình chuẩn bị thức ăn, nước uống và chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi.

+ Quy trình phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Xác định được:

+ Các chất cơ bản cấu tạo nên tế bào cơ thể động vật.

+ Các nhóm thuốc, vắc xin thường dùng trong chăn nuôi thú y.

+ Nguyên nhân của một số bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

+ Phương pháp khuyến cáo cho các hộ chăn nuôi về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh.

- Xây dựng được phác đồ điều trị một số căn bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Thiết kế được một lô thí nghiệm cụ thể, thu thập được các số liệu làm cơ sở khoa học để viết khóa luận tốt nghiệp.

- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được quy trình mổ khám, mổ giải phẫu, phát hiện được bệnh tích trong cơ thể vật nuôi.

- Lựa chọn được các nhóm thuốc, vaccin để phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

- Sử dụng được các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.

- Chuẩn bị được: Chuồng trại, thức ăn, nước uống cho từng đối tượng vật nuôi, từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Thực hiện được: Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi, từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Phát hiện và điều trị được những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)

- Thực hiện được một lô thí nghiệm cụ thể.

- Viết và báo cáo được khóa luận tốt nghiệp theo chuyên đề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và các hộ chăn nuôi. **QT**

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.
- Đảm bảo vệ sinh dịch tễ và vệ sinh môi trường.
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thú y viên cơ sở.
- Quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.
- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y.
- Có thể học liên thông lên trình độ đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 16
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 975 giờ, 39 tín chỉ
 - + Khối lượng các môn học chung: 180 giờ, 08 tín chỉ
 - + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 795 giờ, 31 tín chỉ
 - + Khối lượng lý thuyết: 336 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 611 giờ; Kiểm tra: 28 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập(giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	08	180	63	105	12
MH 01	Chính trị	03	45	25	16	04
MH 02	Pháp luật	01	15	09	05	01
MH 03	Giáo dục thể chất	01	30	01	27	02

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.
- Đảm bảo vệ sinh dịch tễ và vệ sinh môi trường.
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thú y viên cơ sở.
- Quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.
- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y.
- Có thể học liên thông lên trình độ đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 16
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 975 giờ, 36 tín chỉ
- + Khối lượng các môn học chung: 180 giờ, 08 tín chỉ
- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 795 giờ, 31 tín chỉ
- + Khối lượng lý thuyết: 336 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 608 giờ; Kiểm tra: 28 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập(giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	08	180	63	105	12
MH 01	Chính trị	03	45	25	16	04
MH 02	Pháp luật	01	15	09	05	01
MH 03	Giáo dục thể chất	01	30	01	27	02

MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	01	30	14	14	02
MH 05	Tin học	01	30	05	24	01
MH 06	Tiếng Anh	01	30	09	19	02
II	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	31	795	273	506	16
MH 07	Động vật học	2	30	28	0	2
MH 08	Giải phẫu – sinh lý vật nuôi	1	15	14	0	1
MH 09	Dược lý thú y	1	15	14	0	1
MH 10	Sinh hóa động vật	2	30	28	0	2
MH 11	Vi sinh vật thú y	2	45	15	28	2
MH 12	Miễn dịch học thú y	2	30	28	0	2
MH 13	Vệ sinh gia súc	2	45	15	28	2
MH 14	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	30	28	0	2
MH 15	Bảo vệ môi trường và an toàn sinh học trong chăn nuôi	2	30	28	0	2
MĐ 16	Thực tập tốt nghiệp	15	525	75	450	0
Tổng		39	975	336	611	28
Tỷ lệ %				34,46	62,35	

*** Ghi chú:**

Đối với môn học/ mô đun: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết. Thời gian kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa ✎

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.
- Bảo đảm tính logic, hệ thống của chương trình đào tạo cao đẳng nghề Thú y tạo điều kiện thuận lợi để người học có cơ hội học tập ở cấp độ cao hơn;
- Cần chú ý đến nhu cầu thị trường lao động phù hợp với từng vùng, miền, địa phương và lãnh thổ khác nhau;
- Thường xuyên cập nhật những tiến bộ khoa học, kỹ thuật về Thú y để kịp thời bổ sung vào chương trình giảng dạy đáp ứng nhu cầu thực tế của sản xuất;
- Chương trình cao đẳng liên thông Thú y nên được đánh giá, xem xét qua từng khóa học, nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa phù hợp thực tiễn sản xuất của ngành./ *g*

HIỆU TRƯỞNG



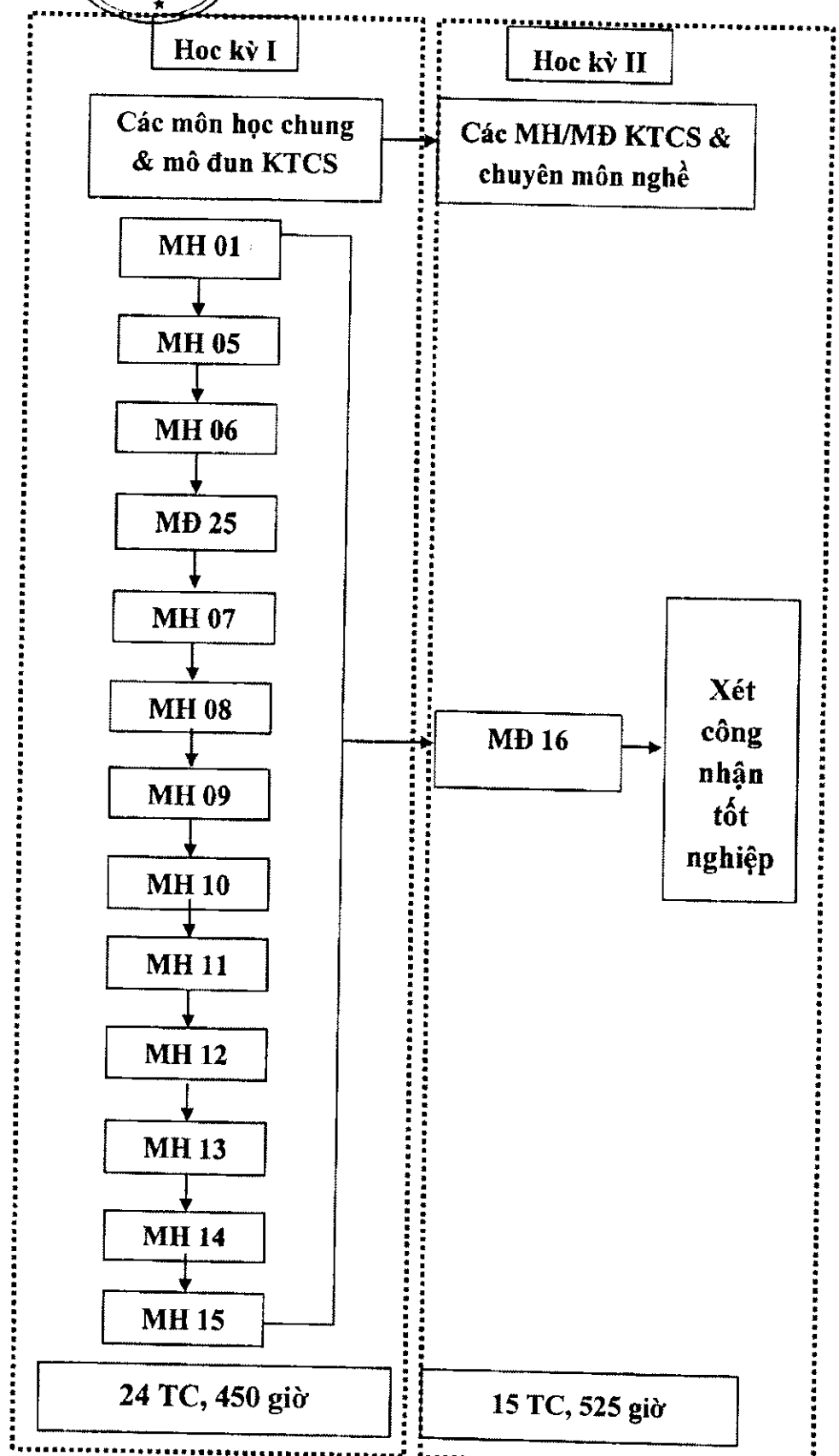
Trịnh Tiên Long



PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên ngành: **Cao đẳng Thủy liên thông**

Mã ngành: **6640203**





UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 353 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo Mô đun: Kỹ năng sống 1 và kỹ năng sống 2 (sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp, Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Mô đun: Kỹ năng sống 1 và Kỹ năng sống 2, trình độ Trung cấp, Cao đẳng:

Tên Mô đun	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
Kỹ năng sống 1	30	1
Kỹ năng sống 2	30	1

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 8 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Tổng hợp và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ảnh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số 353 ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên mô đun: KỸ NĂNG SỐNG 1

Mã mô đun: MD-KNS 1

Thời gian thực hiện mô đun: Tổng số: 30 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ, kiểm tra đánh giá: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Kỹ năng sống là mô đun tự chọn, bổ trợ trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng của Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Tính chất: Là mô đun giúp HSSV có khả năng tạo ra hành vi để thích nghi một cách tích cực trong cuộc sống.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Mô tả được các yếu tố góp phần cho giao tiếp có hiệu quả. Trình bày được các phương pháp và hình thức giao tiếp cơ bản.

+ Nhận thức được kỹ năng tự nhận thức giúp bản thân biết mình có những điểm chung và điểm riêng nào so với người khác. Hiểu được ý nghĩa của kỹ năng xác định mục tiêu và kế hoạch thực hiện mục tiêu trong cuộc sống để định hướng cho một cuộc sống lành mạnh.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng được các kỹ năng trong quá trình giao tiếp, trình bày dễ hiểu, thuyết phục, biết lắng nghe và vận dụng các kỹ năng như chào hỏi, làm quen, bắt tay, lắng nghe... vào thực tế trong các mối quan hệ xã hội.

+ Biết xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, hiểu được ý nghĩa của kỹ năng xác định mục tiêu từ đó biết lập kế hoạch phù hợp cho bản thân, vận dụng kỹ năng tự nhận thức để làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu để định hướng cho một cuộc sống lành mạnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh, sinh viên chủ động rèn luyện các kỹ năng cần thiết, có thái độ tự tin khi giao tiếp với mọi người xung quanh và trong các mối quan hệ hàng ngày. Học sinh, sinh viên có trách nhiệm trong học tập và công việc được giao, linh hoạt trong xử lý tình huống.

Handwritten signature

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, Bài tập, thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ năng giao tiếp 1. Khái quát chung về giao tiếp 1.1. Giao tiếp và Kỹ năng giao tiếp. 1.2. Vai trò và phương tiện giao tiếp. 2. Luyện tập, thực hành các KN giao tiếp 2.1. Kỹ năng chào hỏi 2.2. Kỹ năng bắt tay 2.3. Kỹ năng giới thiệu làm quen 2.4. Kỹ năng lắng nghe	16	0	14	2
2	Bài 2: Kỹ năng tự nhận thức và xác định mục tiêu 1. Kỹ năng tự nhận thức 1.1. Khái niệm và ý nghĩa của kỹ năng tự nhận thức 1.2. Luyện tập, thực hành kỹ năng tự nhận thức 2. Kỹ năng xác định mục tiêu 2.1. Khái niệm và ý nghĩa của kỹ năng xác định mục tiêu. 2.2. Luyện tập, thực hành kỹ năng xác định mục tiêu	14	0	14	0
Cộng		30	0	28	2

Handwritten signature

2. Nội dung chi tiết

Thời gian: 16 giờ

Bài 1: Kỹ năng giao tiếp

1. Mục tiêu của bài :

Sau khi học xong kỹ năng này người học có khả năng:

- Mô tả được các yếu tố góp phần thực hiện giao tiếp có hiệu quả.
- Trình bày được các phương tiện giao tiếp.
- Vận dụng các phương tiện giao tiếp, thực hiện nguyên tắc giao tiếp cơ bản để nhằm giao tiếp đạt hiệu quả.
- Rèn luyện cho người học sự tự tin, chuyên nghiệp trong giao tiếp.

2. Nội dung bài:

1. Khái quát chung về giao tiếp

1.1. Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp.

1.2. Vai trò và phương tiện giao tiếp.

2. Luyện tập, thực hành các KN giao tiếp

2.1. Kỹ năng chào hỏi

2.1.1. Khái quát chung về chào hỏi.

2.2.2. Yêu cầu khi chào hỏi.

2.2.3. Nguyên tắc chào hỏi.

2.2.4. Cách thức chào hỏi.

2.2. Kỹ năng bắt tay

2.2.1. Khái quát chung về bắt tay

2.2.2. Yêu cầu khi bắt tay

2.2.3. Nguyên tắc bắt tay

2.2.4. Cách thức bắt tay

2.3. Kỹ năng giới thiệu làm quen

2.3.1. Khái quát chung về giới thiệu làm quen

2.3.2. Nguyên tắc giới thiệu làm quen

2.3.3. Cách thức giới thiệu

2.3.4. Tự giới thiệu

2.4. Kỹ năng lắng nghe

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Vai trò của kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp

2.4.3. Phương pháp lắng nghe hiệu quả

Quy trình luyện tập thực hành

- Bước 1: Tìm hiểu các tình huống
- Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo tình huống
- Bước 3: Thể hiện việc chào hỏi, bắt tay, làm quen, lắng nghe qua các tình huống cụ thể
- Bước 4: Giáo viên phân tích, nhận xét, đánh giá hoạt động
- Yêu cầu sản phẩm: Thực hiện việc ứng xử trong tình huống giao tiếp
- Kiểm tra định kỳ: 02 giờ

Bài 2: Kỹ năng tự nhận thức và xác định mục tiêu Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu của bài:

Sau khi học xong kỹ năng này người học có khả năng:

- Nhận thức được bản thân có những điểm mạnh, điểm yếu, điểm chung, điểm riêng nào so với người khác, tự nhận thức những mong muốn của bản thân, làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu phấn đấu trong cuộc sống.
- Nhận thức được ý nghĩa của kỹ năng xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu trong cuộc sống để định hướng cho một cuộc sống lành mạnh sau này.

2. Nội dung bài:

1. Kỹ năng tự nhận thức

1.1. Khái niệm và ý nghĩa kỹ năng tự nhận thức

1.2. Luyện tập, thực hành kỹ năng tự nhận thức

- Bước 1: Giáo viên hướng dẫn
- Bước 2: Tổ chức trò chơi, tình huống giúp học sinh, sinh viên trải nghiệm những đánh giá của người khác về mình và có thái độ tích cực đối với những nhận xét, đánh giá đó.
- Bước 3: Giáo viên đánh giá, nhận xét

Handwritten signature

- Yêu cầu sản phẩm: Bản nhận xét điểm mạnh, điểm yếu, điểm thích và không thích của cá nhân và người khác về bản thân mình.

2. Kỹ năng xác định mục tiêu

2.1. Khái niệm và Ý nghĩa của kỹ năng xác định mục tiêu.

2.2. Xác định mục tiêu: Ngắn hạn, trung hạn, dài hạn (phù hợp với thực tế của bản thân)

2.3. Luyện tập, thực hành kỹ năng xác định mục tiêu

- Lập bản kế hoạch thực hiện mục tiêu của bản thân

- Các bước:

+ Bước 1: HSSV đóng vai tình huống

+ Bước 2: Thảo luận

+ Bước 3: Giáo viên ghi nhận ý kiến, khái quát, nhận xét, bổ sung

- Yêu cầu sản phẩm: Bản xác định mục tiêu, kế hoạch thực hiện mục tiêu trong cuộc sống của bản thân.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học rộng rãi, bàn ghế trong phòng học có thể di chuyển thuận lợi để tổ chức các hoạt động.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính, loa, mic...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bút lông, giấy, bài giảng điện tử, máy chiếu, vi tính, phim tài liệu, video...

4. Các điều kiện khác: Mạng internet, hoạt động trải nghiệm phù hợp...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Kiểm tra vấn đáp, trắc nghiệm nội dung các bài học, kỹ năng trong mô đun.

- Kỹ năng: Thực hiện các kỹ năng trong bài tập/nhiệm vụ học tập trên lớp, buổi ngoại khóa theo mục tiêu của mô đun.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học sinh, sinh viên chủ động rèn luyện các kỹ năng cần thiết từ đó hình thành hành vi, thói quen phù hợp có thái độ tự tin trong quá trình giao tiếp với mọi người xung quanh và trong các mối quan hệ hàng ngày.

Handwritten signature

2. Phương pháp

- Kiến thức:

- + Thực hiện đủ 90% số tiết trong mô đun
- + Có đủ bài kiểm tra theo quy định
- + Hình thức kiểm tra: Tự luận, thực hành cá nhân/nhóm, vấn đáp, bài tập tình huống.

- Kỹ năng:

- + Kết quả đánh giá đạt từ điểm trung bình trở lên.
- + Việc kiểm tra đánh giá thực hiện theo Quy chế của Nhà trường.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun giảng dạy theo phương pháp tích hợp giữa lý thuyết và thực hành. Chương trình này được áp dụng giảng dạy trong học kỳ I của HSSV năm thứ nhất và được thực hiện đối với HSSV khối GDNN (hệ Trung cấp từ K18, hệ Cao đẳng K5 trở đi).

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Dù điều kiện để tham gia giảng dạy, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về dạy học, sử dụng linh hoạt các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh và ngành nghề.

- Đối với học sinh: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, ghi chép thực hiện và hoàn thành các yêu cầu học tập của giáo viên. Học sinh tích cực, chủ động xây dựng bài.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Thực hiện kỹ năng giao tiếp cơ bản.
- Xác định được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

4. Tài liệu tham khảo

- Chương trình Kỹ năng giao tiếp (Ban hành kèm thông tư 66/2011/TT BGD&ĐT ngày 30/12/2011), Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012.

- Giáo trình chuyên đề :Giáo dục Kỹ năng sống; Nguyễn Thanh Bình; NXB Đại học Sư phạm, 2010.

- Giáo trình Kỹ năng giao tiếp; Nhóm tác giả trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2008.

Handwritten signature

- Tài liệu lớp bồi dưỡng Kỹ năng mềm cho cán bộ, giáo viên các trường Cao đẳng, trung cấp năm 2018.

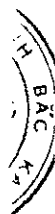
- Tình huống Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; TS Đỗ Thị Châu, NXB Giáo dục, 2007.

- Tài liệu đào tạo kỹ năng mềm cho HSSV của Tổng cục dạy nghề, QĐ 600/TCDN ngày 18/9/2015

- Chương trình Kỹ năng mềm dùng cho hệ Cao đẳng trường ĐHSPKT Hưng Yên.

- Tài liệu tập huấn bồi dưỡng kỹ năng mềm cho giáo viên trường Cao đẳng công nghiệp Huế, 2017.

- Các trang Webservice, tài liệu khác.



Trang



CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số 353 ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên mô đun: KỸ NĂNG SỐNG 2

Mã mô đun: MĐ-KNS 2

Thời gian thực hiện mô đun: Tổng số: 30 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 28 giờ, kiểm tra đánh giá: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Kỹ năng sống là mô đun tự chọn, bổ trợ trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng của Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Tính chất: Là mô đun giúp HSSV có khả năng tạo ra hành vi để thích nghi một cách tích cực trong cuộc sống.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Mô tả được các hoạt động nhóm và vai trò của kỹ năng làm việc nhóm, Vai trò của từng thành viên trong nhóm, Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm, điều hành buổi họp nhóm và biết cách giải quyết xung đột nhóm, tăng cường động lực làm việc.

+ Biết cách viết đơn xin việc và sơ yếu lý lịch theo yêu cầu của nhà tuyển dụng. Hiểu được cách ứng phó với một số câu hỏi trả lời phỏng vấn thường gặp của nhà tuyển dụng.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng kỹ năng biết lắng nghe, biết cách hợp tác trong quá trình làm việc nhóm: thể hiện quan điểm cá nhân, lắng nghe góp ý với ý kiến của người khác, giúp đỡ nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chung...

+ Vận dụng các kỹ năng để tìm kiếm công việc phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân trong quá trình đi xin việc

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh, sinh viên chủ động rèn luyện các kỹ năng cần thiết, có thái độ tự tin khi giao tiếp với mọi người xung quanh và trong các mối quan hệ hàng ngày. Học sinh, sinh viên có trách nhiệm trong học tập và công việc được giao, linh hoạt trong xử lý tình huống.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, Bài tập, thảo luận	Kiểm tra
1	<p>Bài 1: Kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>1. Những vấn đề chung về nhóm và làm việc nhóm</p> <p>1.1. Khái niệm kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>1.2. Vai trò của các thành viên trong nhóm</p> <p>1.3. Tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>2. Luyện tập, thực hành kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>2.1. Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm</p> <p>2.2. Mâu thuẫn, xung đột và cách giải quyết mâu thuẫn xung đột nhóm.</p> <p>2.3. Kỹ năng điều hành buổi họp nhóm.</p>	16	0	14	2
2	<p>Bài 2: Kỹ năng xin việc</p> <p>1. Kỹ năng tìm kiếm thông tin việc làm</p> <p>1.1. Khái quát chung về tìm kiếm thông tin việc làm</p> <p>1.2. Thực hành, luyện tập kỹ năng</p> <p>2. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc</p> <p>2.1. Cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc</p> <p>2.2. Thực hành, luyện tập kỹ năng</p> <p>3. Kỹ năng tham dự phỏng vấn xin việc</p> <p>3.1. Khái quát chung về tham dự phỏng vấn xin việc làm</p>	14	0	14	

F. T. T. T.

3.2 Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn				
3.3. Các hình thức phỏng vấn				
3.4 Nghệ thuật trả lời phỏng vấn				
3.5. Thực hành, luyện tập kỹ năng				
Cộng	30	0	28	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Kỹ năng làm việc nhóm

Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu của bài:

Sau khi học xong kỹ năng này người học có khả năng:

- Nhận thức được vai trò, hiệu quả làm việc nhóm.
- Mô tả cách hoạt động nhóm.
- Vận dụng được kỹ năng biết lắng nghe, thừa nhận ý kiến của người khác và diễn đạt ý kiến của mình.
- Có khả năng làm việc trong một nhóm, tập thể và có trách nhiệm trong công việc được giao.

2. Nội dung bài:

1. Những vấn đề chung về nhóm và làm việc nhóm

1.1. Khái niệm kỹ năng làm việc nhóm

1.2. Vai trò của các thành viên trong nhóm

1.3. Tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm

2. Luyện tập, thực hành kỹ năng làm việc nhóm

2.1. Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm

2.2. Mâu thuẫn xung đột và cách giải quyết mâu thuẫn xung đột nhóm

2.3. Những khó khăn, trở ngại khi làm việc nhóm

Quy trình luyện tập thực hành

- Bước 1: HSSV làm việc theo nhóm, theo chủ đề
- Bước 2: Làm việc chung (tập thể)
- Bước 3: Giáo viên ghi nhận, phân tích, khái quát, bổ sung, đánh giá
- Yêu cầu sản phẩm: Bản kết quả hoạt động của nhóm

INC
DẤ
K.A
—
=

F. Tang

- Kiểm tra định kỳ: 02 giờ

Bài 2: Kỹ năng xin việc

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu của bài:

Sau khi học xong kỹ năng này người học có khả năng:

- Xác định năng lực và mục đích nghề nghiệp của bản thân.
- Viết được đơn và lý lịch xin việc theo yêu cầu của nhà tuyển dụng.
- Ứng phó nhanh với các câu hỏi phỏng vấn của nhà tuyển dụng.
- Rèn luyện sự tự tin, khéo léo trong giao tiếp với nhà tuyển dụng.

2. Nội dung bài:

1. Kỹ năng tìm kiếm thông tin việc làm

1.1. Khái quát chung về tìm kiếm thông tin việc làm

1.2. Thực hành, luyện tập kỹ năng

- Các bước:

+ Bước 1: HSSV tìm hiểu thông tin tuyển dụng qua tài liệu GV cung cấp hoặc tham khảo trên Internet.

+ Bước 2: HSSV thảo luận nhóm

+ Bước 3: HSSV làm bài tập thực hành, mô phỏng gọi điện đến công ty/cơ quan để tìm hiểu các thông tin tuyển dụng

- Yêu cầu sản phẩm: Bản danh sách thông tin cần thiết về phía nhà tuyển dụng. HSSV khai thác được thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc

2.1. Cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc

2.1.1. Chuẩn bị và gửi hồ sơ xin việc

2.1.2. Nghệ thuật viết đơn xin việc

2.1.3. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân

2.2. Thực hành, luyện tập kỹ năng

- Các bước:

+ Bước 1: HSSV tìm hiểu về bộ hồ sơ xin việc.

+ Bước 2: HSSV thảo luận nhóm

+ Bước 3: GV hướng dẫn HSSV ghi lý lịch và đơn xin việc

Handwritten signature

+ Bước 4: HSSV thực hành viết lý lịch và đơn xin việc phù hợp với chuyên ngành của bản thân.

- Yêu cầu sản phẩm: HSSV chuẩn bị được một hồ sơ xin việc làm, viết được một bản lý lịch, đơn xin việc hoàn chỉnh.

3. Kỹ năng tham dự phỏng vấn xin việc

3.1. Khái quát chung về tham dự phỏng vấn xin việc làm

3.2. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn

3.3. Các hình thức phỏng vấn

3.3.1. Phỏng vấn qua điện thoại

3.3.2. Phỏng vấn theo nhóm

3.3.3. Phỏng vấn hành vi

3.3.4. Phỏng vấn tình huống

3.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn

3.4.1. Bắt đầu cuộc phỏng vấn

3.4.2. Trong cuộc phỏng vấn

3.4.3. Kết thúc cuộc phỏng vấn

3.5. Thực hành, luyện tập kỹ năng

- Các bước:

+ Bước 1: HSSV tìm hiểu về một cuộc phỏng vấn xin việc làm (qua video)

+ Bước 2: HSSV thảo luận nhóm

+ Bước 3: HSSV làm bài tập thư giãn, bài tập nguyên nhân và kết quả.

+ Bước 4: HSSV thực hành, đóng vai tình huống

- yêu cầu sản phẩm: HSSV trả lời được các câu hỏi phỏng vấn, thể hiện được khả năng giao tiếp hiệu quả

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học rộng rãi, bàn ghế trong phòng học có thể di chuyển thuận lợi để tổ chức các hoạt động.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chính, máy tính, loa, mic...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bút lông, giấy, bài giảng điện tử, máy chiếu, vi tính, phim tài liệu, video...

Handwritten signature

4. Các điều kiện khác: Mạng internet, hoạt động trải nghiệm phù hợp...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Kiểm tra vấn đáp, trắc nghiệm nội dung các bài học, kỹ năng trong mô đun.

- Kỹ năng: Thực hiện các kỹ năng trong bài tập/nhiệm vụ học tập trên lớp, buổi ngoại khóa theo mục tiêu của mô đun.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học sinh, sinh viên chủ động rèn luyện các kỹ năng cần thiết từ đó hình thành hành vi, thói quen phù hợp có thái độ tự tin trong quá trình giao tiếp với mọi người xung quanh và trong các mối quan hệ hàng ngày.

2. Phương pháp

- Kiến thức:

+ Thực hiện đủ 90% số tiết trong mô đun

+ Có đủ bài kiểm tra theo quy định

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận, thực hành cá nhân/nhóm, vấn đáp, bài tập tình huống.

- Kỹ năng:

+ Kết quả đánh giá đạt từ điểm trung bình trở lên.

+ Việc kiểm tra đánh giá thực hiện theo Quy chế của Nhà trường.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun giảng dạy theo phương pháp tích hợp giữa lý thuyết và thực hành Chương trình này được áp dụng giảng dạy trong học kỳ II của HSSV năm thứ nhất và được thực hiện đối với HSSV khối GDNN (hệ Trung cấp từ K18, hệ Cao đẳng K5 trở đi).

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Đủ điều kiện để tham gia giảng dạy, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về dạy học, sử dụng linh hoạt các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh và ngành nghề.



Handwritten signature

- Đối với học sinh: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, ghi chép thực hiện và hoàn thành các yêu cầu học tập của giáo viên. Học sinh tích cực, chủ động xây dựng bài.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Kỹ năng hợp tác trong làm việc nhóm.
- Viết được đơn xin việc và lý lịch cá nhân.

4. Tài liệu tham khảo

- Chương trình Kỹ năng giao tiếp (ban hành kèm thông tư 66/2011/TT BGD&ĐT ngày 30/12/2011), Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012.

- Giáo trình chuyên đề :Giáo dục Kỹ năng sống; Nguyễn Thanh Bình; NXB Đại học Sư phạm, 2010.

- Giáo trình Kỹ năng giao tiếp; Nhóm tác giả trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 2008.

- Tài liệu lớp bồi dưỡng Kỹ năng mềm cho cán bộ, giáo viên các trường Cao đẳng, trung cấp năm 2018.

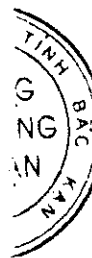
- Tình huống Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm; TS Đỗ Thị Châu, NXB Giáo dục, 2007.

- Tài liệu đào tạo kỹ năng mềm cho HSSV của Tổng cục dạy nghề, QĐ 600/TCDN ngày 18/9/2015

- Chương trình Kỹ năng mềm dùng cho hệ Cao đẳng trường ĐHSPKT Hưng Yên.

- Tài liệu tập huấn bồi dưỡng kỹ năng mềm cho giáo viên trường Cao đẳng công nghiệp Huế, 2017.

- Các trang Webside, tài liệu khác.



Handwritten signature



UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 312 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Tin học ứng dụng,
trình độ: Sơ cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014:

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Tin học ứng dụng, trình độ Sơ cấp:

Tên nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Tin học ứng dụng	345	15

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Tổng hợp và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*TC*

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diêu, Chung, Tùng, Anh;

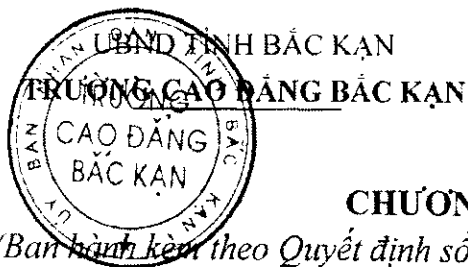
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. *TC*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 312/QĐ-CDBK ngày 16 tháng 7 năm 2021 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Tin học ứng dụng

Trình độ đào tạo: Sơ cấp

Đối tượng tuyển sinh: Công chức, viên chức và những người có nhu cầu kiến thức, kỹ năng Tin học để đáp ứng vị trí việc làm.

Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo 03 tháng nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản của nghề Tin học ứng dụng.

I. MÔ TẢ VỀ KHÓA HỌC VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mô tả về khóa học.

Trong quá trình học, học sinh được học theo hình thức tích hợp tức là lý thuyết gắn với thực hành để đảm bảo với yêu cầu của nghề.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Kiến thức:

- Tiếp thu những kiến thức cơ bản về tin học.
- Hiểu và thao tác được các công cụ trong bộ phần mềm Microsoft Office.
- Hiểu và làm được các thao tác cơ bản để soạn thảo văn bản trong Word, các thao tác tính toán trên bảng tính Excel và các thao tác để tạo một bài thuyết trình.

2.2. Kỹ năng:

- Thực hiện được cách cài đặt chương trình Windows.
- Có khả năng khai thác các chương trình ứng dụng chạy trên môi trường Windows.
- Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word để tạo các tài liệu đạt chuẩn theo quy định.
- Lập được bảng tính và vận dụng được các hàm cơ bản trong Microsoft Excel để thực hiện các tính toán ứng dụng trong thực tế công việc.
- Có khả năng thực hiện trình diễn một bảng thuyết trình hoặc các dự án.



- Vận dụng linh hoạt các kiến thức được học vào giải quyết các công việc liên quan.

2.3. Thái độ:

- Có ý thức bảo quản thiết bị học tập.
- Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.
- Có tinh thần học tập nghiêm túc, tích cực.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng ứng dụng được các kiến thức, kỹ năng Tin học để làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các công ty, doanh nghiệp...

II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng mô đun: 04
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 15 Tín chỉ gồm có 345 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 75 giờ (21,74%); Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 259 giờ (75,07%); Kiểm tra: 11 giờ (3,19%).

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra	
				Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra định kỳ		
MH 01	Tin học đại cương	3	75	30	43	1	1
MH 02	Microsoft Word	4	90	15	72	2	1
MH 03	Microsoft Excel	4	90	15	72	2	1
MH 04	Microsoft PowerPoint	4	90	15	72	2	1
TỔNG CỘNG		15	345	75	259	7	4
TỶ LỆ				21.74%	75.07%	2.03%	1.16%

IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Quy trình đào tạo được thực hiện theo thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015; thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và thi kết thúc khóa học

a. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ

Mỗi mô đun có ít nhất một bài kiểm tra thường xuyên và một bài kiểm tra định kỳ.

b. Kiểm tra kết thúc mô đun

- Điều kiện kiểm tra kết thúc mô đun: Người học phải tham dự ít nhất 70% thời gian lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành. Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên.

c. Thi kết thúc khóa học

- Điều kiện để người học được dự thi kết thúc khóa học:

+ Các điểm tổng kết mô đun phải đạt từ 5 điểm trở lên.

+ Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm tổ chức kiểm tra kết thúc khóa học.

- Hình thức thi kết thúc khóa học

Thi kết thúc khóa học theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để thực hiện các công việc đơn giản của nghề hoặc hoàn thiện một sản phẩm, dịch vụ. *h₂*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 399 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: **Kỹ thuật chế biến món ăn (sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	1.620	65

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Tổng hợp và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

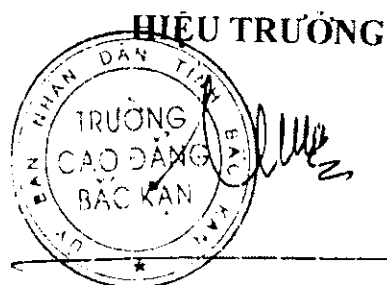
Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

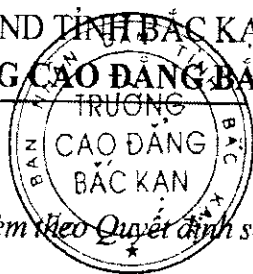
- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng, Ánh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. *td*



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 399/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn

Mã ngành, nghề: 5810207

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy – Phương thức: Tích lũy môđun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở học song song chương trình trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 02 năm.

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở nhưng không học hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 1,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Kết thúc khóa đào tạo Trung cấp kỹ thuật chế biến món ăn người học có khả năng:

- Làm việc tại các nhà hàng – khách sạn, bếp ăn tập thể của các cơ quan, đơn vị thuộc các thành phần kinh tế với nhiệm vụ chế biến và phục vụ các món ăn truyền thống, món ăn Âu, Á... theo đúng thực đơn, đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, sức khỏe cộng đồng.

- Điều hành, hướng dẫn, giám sát, đánh giá được hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện; Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm.

1.2. Mục tiêu cụ thể

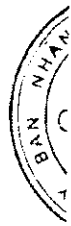
1.2.1. Kiến thức:

- Hiểu biết những quan điểm cơ bản, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước nói chung về lĩnh vực kinh doanh nhà hàng – khách sạn nói riêng.

- Nắm được những kiến thức cơ bản về: Đánh giá chất lượng thực phẩm, lựa chọn và bảo quản thực phẩm, khẩu vị và tập quán ăn uống của khách hàng, sinh lý dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kỹ thuật bày bàn và phục vụ khách ăn uống.

- Nắm vững các kiến thức về quy trình vệ sinh thiết bị dụng cụ và khu vực chế biến; các phương pháp chế biến món ăn; Quy trình kỹ thuật chế biến món ăn Á, Âu.

1.2.2. Kỹ năng:



Handwritten signature

- Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.
- Cung ứng nguyên liệu đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn của món ăn.
- Lập kế hoạch tổ chức chế biến món ăn theo đúng thực đơn, đúng quy trình.
- Biết sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, dụng cụ chuyên dùng tại các cơ sở kinh doanh ăn uống, bếp ăn tập thể.
- Chế biến thành thạo một số món ăn Á, Âu mang tính phổ biến và chế biến được một số sản phẩm ăn uống bậc cao đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, hướng dẫn, điều hành nhóm, đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng học tập suốt đời.
- Tự chịu trách nhiệm về công việc của cá nhân hoặc công việc của nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Làm nhân viên sơ chế, nhân viên chế biến trực tiếp, chủ cơ sở nấu ăn bình dân, thợ nấu chính tại các nhà hàng, bếp ăn tập thể, khách sạn vừa và nhỏ, nấu ăn tại các homestays.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1620 giờ, 65 tín chỉ.
- + Khối lượng các môn học chung: 255 giờ, 12 tín chỉ.
- + Khối lượng các môn cơ sở: 195 giờ, 10 tín chỉ.
- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 960 giờ, 34 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 431 giờ; Thực hành: 1121 giờ; Kiểm tra: 68 giờ
- + Khối lượng các môn học, mô đun tự chọn: 210 giờ, 9 tín chỉ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2

Chữ ký

MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	10	195	101	84	10
MĐ 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	2	45	15	28	2
MĐ 08	Phương pháp xây dựng thực đơn	2	45	15	28	2
MĐ 09	Văn hóa ẩm thực	2	45	15	28	2
MH 10	Thương phẩm và ATTP	2	30	28	0	2
MH 11	Sinh lý dinh dưỡng	2	30	28	0	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	960	178	751	31
MĐ12	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
MĐ13	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	2	45	15	28	2
MĐ14	Nghiệp vụ thanh toán	2	45	15	28	2
MH15	Môi trường và an ninh-an toàn trong nhà hàng	2	30	28	0	2
MĐ16	Kỹ thuật trang trí cắm hoa	2	45	15	27	3
MĐ17	Kỹ thuật chế biến món ăn	16	390	90	280	20
MĐ18	Thực tập tốt nghiệp	8	360		360	
III	Môn học, mô đun tự chọn	9	210	58	138	14
MĐ19	Nghiệp vụ nhà hàng 1: NV bàn	4	90	28	56	6
MĐ 20	Nghiệp vụ nhà hàng 2: NV bar	3	60	28	28	4
MH 21	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	30	26	4
MĐ 22	Quản trị tác nghiệp	2	45	15	27	3
MĐ 23	Tổ chức sự kiện	2	45	15	27	3
MĐ 24	Hạch toán định mức	3	60	28	28	4
MĐ-KNS1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ-KNS2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
Tổng cộng		65	1620	431 26,6 %	1121 69,2%	68 4,2%

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành 06 môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

Nội dung	Thời gian
1. Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2. Văn hoá, văn nghệ - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày - 19 giờ đến 21 giờ vào một buổi trong tuần
3. Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
4. Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5. Tham quan thực tế (ngoại khóa)	01 lần/ năm học

4.3. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đôn hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ kết quả các môn học, mô đun và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo tính bằng tuần và giờ học.

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được qui định như sau:

+ Một (01) giờ học thực hành, mô đun là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

+ Một (01) ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đun không quá 08 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 06 giờ.

+ Một (01) tuần học không quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 2 chương trình GDTX và trung cấp), học không quá 30 giờ/tuần (Đối với đối tượng tốt nghiệp THPT và THCS không học hệ GDTX). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*

+ Thực hành, thực tập: Tối đa 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS), 40 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THPT). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*

* *Hướng dẫn phân modul tự chọn:*

- Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, Doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn từ 3 đến 4 MĐ trong 07 MĐ trong phần MH/MĐ tự chọn trong chương trình với tổng số giờ là: 210 giờ, không quá 10 tín chỉ.

* *Hướng dẫn phân bố thời gian và nội dung phần thực hành nghề tại cơ sở:*

- Thực hành nghề kỹ thuật chế biến món ăn tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế.

- Nội dung thực hành nghề kỹ thuật chế biến món ăn tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.


- Có thể phân bố nội dung thực hành nghề kỹ thuật chế biến món ăn tại cơ sở theo ba hướng sau:

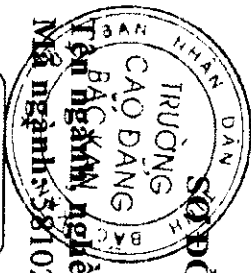
+ Người học thực hành tại các cơ sở nhà hàng, khách sạn,... có công việc phù hợp với nghề nghiệp. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ đang làm việc tại các cơ sở) hướng dẫn người học;

+ Thực hành nghề kỹ thuật chế biến món ăn (có giáo viên hướng dẫn) tại phòng thực hành, xưởng của nhà trường hoặc tại các địa điểm liên kết đào tạo.

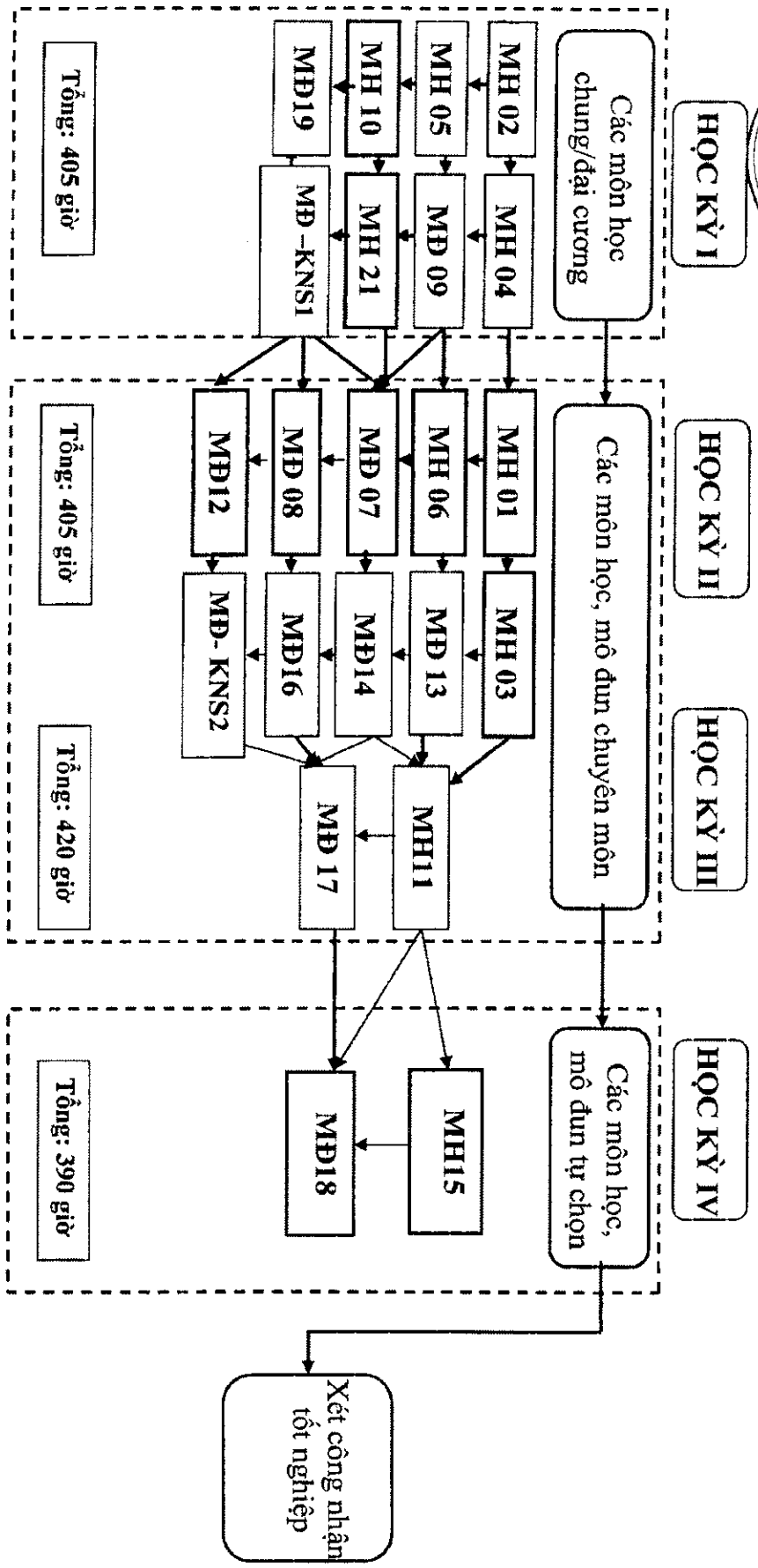
+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện của trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.


Trịnh Tiến Long



Phụ lục 4:
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO





Số: 395 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5510201	1.725	75

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.


Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ điện và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /m

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ánh;

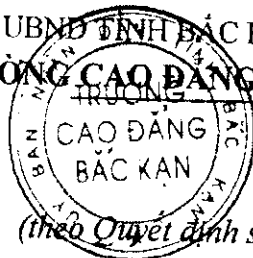
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. 

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiên Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(theo Quyết định số: 395/QĐ – CDBK, ngày 31 tháng 8 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí

Mã ngành, nghề: 5510201

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy – Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 02 chương trình: Chương trình trung cấp và chương trình GDTX cấp trung học phổ thông: **02 năm**

- Đối tượng tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp THCS nhưng không học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **1,5 năm**

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí trình độ trung cấp có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có năng lực làm việc tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - xã hội

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Phân tích bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp trong ngành cơ khí;
- + Phân loại tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí
- + Trình bày được yêu cầu kỹ thuật khi gia công, lắp đặt các loại nhôm
- + Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại dụng cụ đo, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo của nghề công nghệ kỹ thuật cơ khí
- + Trình bày được kỹ thuật hàn thép các bon thấp ở vị trí hàn 1F, 1G, 2F, 3F;
- + Phân tích quy trình vận hành, điều chỉnh khi gia công trên các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số (tiện, phay CNC);
- + Có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, đáp ứng yêu cầu công việc.
- + Xác định được trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và máy móc.

- Kỹ năng:

- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
- + Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;

CS

- + Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ cầm tay;
- + Gia công lắp dựng các sản phẩm cơ khí kết cấu loại nhỏ bằng phương pháp hàn;
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo của nghề công nghệ kỹ thuật cơ khí;
- + Hàn được các mối hàn ở các vị trí hàn bằng, hàn đứng, hàn ngang bằng các phương pháp SMAW, GTAW, GMAW.

+ Vận hành các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy đạt yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;

+ Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá;

+ Chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản;

+ Vận hành và điều chỉnh được các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số (tiện phay CNC) để gia công chi tiết máy đạt yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy

+ Vận hành được máy cắt nhôm và gia công, lắp ghép theo đúng qui trình qui phạm, đúng thời gian qui định, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi

+ Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm

+ Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn

+ Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

+ Trực tiếp gia công trên các sản xuất cơ khí như máy tiện, máy phay vạn năng, máy tiện, phay CNC, máy hàn... để chế tạo các chi tiết máy theo yêu cầu bản vẽ;

+ Tổ trưởng sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;

+ Tự mở các xưởng sản xuất cơ khí, chế tạo các chi tiết để sửa chữa các loại máy thông dụng trong cuộc sống thường ngày;

+ Có khả năng tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 29

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1.725 giờ; 75 tín chỉ

+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ; 12 tín chỉ

+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1470 giờ; 62 tín chỉ

+ Khối lượng lý thuyết: 472 giờ; Thực hành, thực tập, Thí nghiệm: 998 giờ;

+ Khối lượng các môn học, mô đun tự chọn: 255 giờ; 12 tín chỉ.

3. Nội dung chương trình:

3.1. Nội dung chương trình môn học, mô đun bắt buộc

Mã MH/	Tên môn học/ mô đun	Số tín	Thời gian đào tạo (giờ)	
			Tổng	Trong đó

MĐ		chỉ	số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	63	1470	502	910	58
1	Môn học, mô đun cơ sở	16	270	198	55	17
MH 07	Vẽ kỹ thuật	3	45	30	13	02
MH 08	AUTOCAD	2	30	28	0	02
MH 09	Cơ kỹ thuật	2	30	28	0	02
MH 10	Dung sai-Đo lường kỹ thuật	2	30	28	0	02
MH 11	Vật liệu cơ khí	2	30	28	0	02
MH 12	Kỹ thuật điện	2	30	28	0	02
MH 13	Kỹ thuật an toàn-Môi trường Công nghiệp	1	15	13	0	02
MĐ 14	Nguội cơ bản	2	60	15	42	03
2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	945	193	725	27
MĐ 15	Tiện mặt đầu trụ ngắn, tiện rãnh cắt đứt, tiện trụ bậc. trụ dài.	2	60	15	42	03
MĐ 16	Tiện lỗ, tiện côn	3	75	15	57	03
MĐ 17	Phay mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng, bậc	3	75	15	57	03
MH 18	Công nghệ kim loại	2	30	28	0	02

MD 19	Tiện ren	5	120	30	86	04
MD 20	Hàn điện hồ quang	5	120	30	86	04
MD 21	Hàn trong môi trường khí bảo vệ	4	90	30	56	04
MD 22	Kỹ thuật gia công nhôm kính	4	105	15	86	04
MD 23	Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm doanh nghiệp	6	270	15	255	0
3	Môn học, mô đun tự chọn	13	255	111	130	14
Tổng		75	1725	596	1058	71
Tỷ lệ % Lý thuyết/Thực hành				34.5 %	65.5 %	

3.2. Nội dung chương trình mô đun tự chọn:

Mã MH/ MD	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MD 24	Tiện CNC cơ bản	3	60	30	27	03
MD 25	Phay CNC cơ bản	3	60	30	27	03
MD 26	Khí nén – Thủy lực	2	45	15	28	02
MD 27	Tiện lệch tâm, tiện định hình, tiện gá lắp phức tạp	2	30	06	22	02
MD-KNS1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	02
MD-KNS2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	02
MD 28	Gá lắp kết cấu hàn	2	45	15	28	02
MD 29	Công nghệ hàn nâng cao trong môi trường khí bảo vệ	2	45	15	28	02
Tổng		16	345	111	216	18

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo các Thông tư, văn bản quy định hiện hành của Bộ lao động – Thương binh & Xã hội và các Bộ liên quan đã ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học có thể bố trí cho học sinh tham quan, thực tập tại một số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

Thời gian thực hiện các hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau đây:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm trong năm, ngoài giờ trên lớp
2	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
3	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể ...	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt chuyên đề...
4	Tham quan, dã ngoại	Mỗi năm một hoặc hai lần
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên bộ môn/ khoa và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: + Lý thuyết: Không quá 120 phút
+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

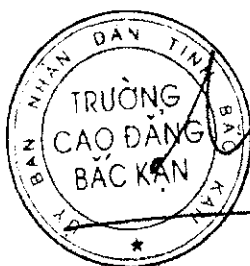
- Hiệu trưởng căn cứ kết quả các môn học, mô đun và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác

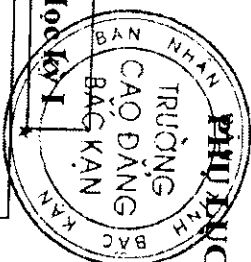
- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo tính bằng tuần và giờ học.

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được qui đổi như sau:
 - + Một (01) giờ học thực hành, mô đun là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.
 - + Một (01) ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đun không quá 08 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 06 giờ.
 - + Một (01) tuần học không quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.
- Bố trí thời gian học trong tuần:
 - + Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 2 chương trình GDTX và trung cấp), học không quá 30 giờ/tuần (Đối với đối tượng tốt nghiệp THPT và THCS không học hệ GDTX). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*
 - + Thực hành, thực tập: Tối đa 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS), 40 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THPT). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*
- Hướng dẫn phân mô đun tự chọn: Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, căn cứ nhu cầu người học, điều kiện thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn các mô đun trong chương trình đào tạo với tổng số giờ tối thiểu là 255 giờ.
- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

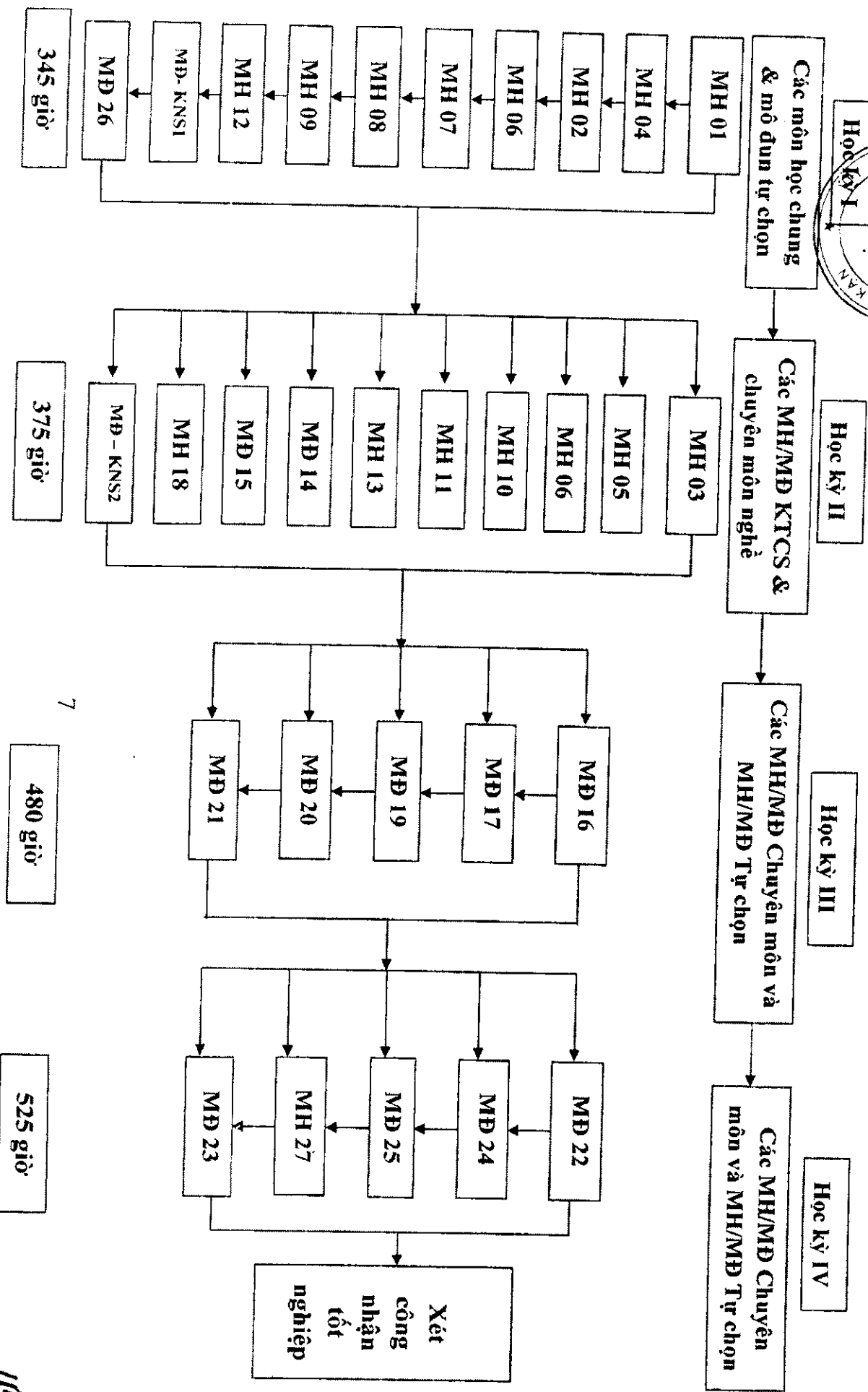
HIỆU TRƯỞNG



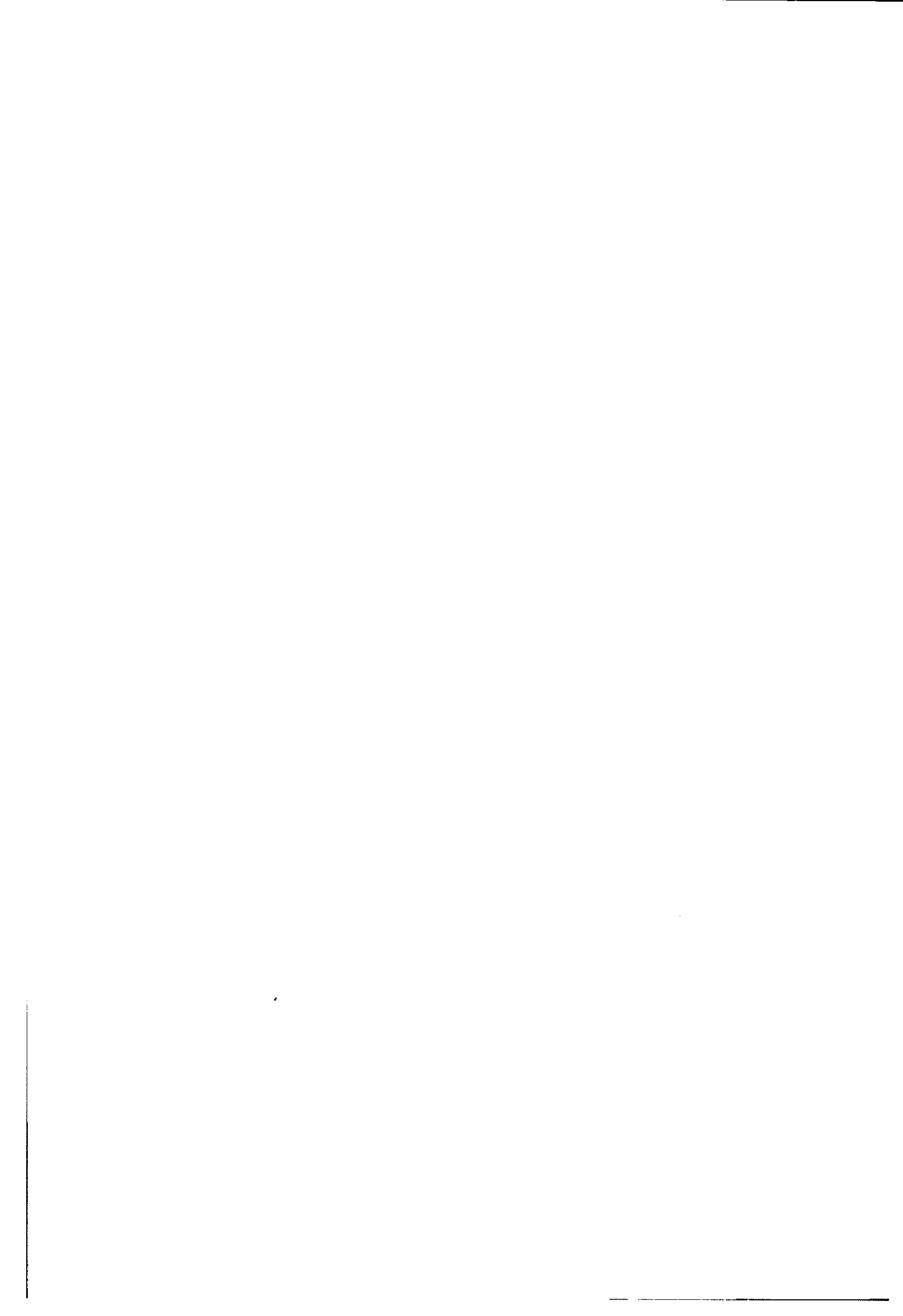
Trịnh Tiến Long



PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN
Tên ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật cơ khí
Mã ngành, nghề: 5510201



ll





Số: 393 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Công nghệ ô tô	5510216	1.665	70

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ giới đường bộ và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*pk*

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;

- Như Điều 3 (t/h).

- Phòng Đào tạo: Nhân, Diêu, Chung, Tùng, Ánh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;

- Lưu: VT, ĐT. *tlj*

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Trịnh Tiên Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 393/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng tốt nghiệp Trung học cơ sở học song song chương trình Trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông: 02 năm.

- Đối tượng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp Trung học cơ sở nhưng không học hệ giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông: 1,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung.

Sau khi kết thúc khóa học người học có khả năng:

Trang bị kiến thức chuyên môn nghề, hiểu biết hoạt động của nghề và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; tiếp cận, ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ vào bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; có đạo đức, sức khỏe, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

1.2.1. Kiến thức.

- Mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trên ô tô.
- Giải thích các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.
- Phát hiện được hiện tượng, nguyên nhân hư hỏng của cơ cấu và các hệ thống trên ô tô.
- Nêu ra các phương pháp sửa chữa, giải quyết các tình huống hư hỏng của cơ cấu và các hệ thống trên ô tô.

- Trình bày được quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng và công nghệ thông tin, tiếng anh đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.2. Kỹ năng.

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị sửa chữa, kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô.

- Tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật.

- Thực hiện được cơ bản công việc của nghề nguội, hàn, điện kỹ thuật phục vụ cho quá trình bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;

- Chấp hành an toàn lao động và vệ sinh xưởng thực hành.

- Có năng lực tiếng anh bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.

- Chấp hành tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc.

- Làm việc độc lập, chia sẻ kinh nghiệm hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

- Trung thực, cẩn thận trong quá trình thực hiện công việc.

- Tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, thiết bị máy, bảo vệ môi trường và sức khỏe cá nhân cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người lao động kỹ thuật có trình độ Trung cấp có thể đảm đương các công việc ở các vị trí:

- thợ sửa chữa tại các cơ sở bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô.

- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.

- Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm; làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 30

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1665 giờ; số tín chỉ: 70 tín chỉ.

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ; số tín chỉ: 12 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1110 giờ; số tín chỉ: 46 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 418 giờ; Thực hành, thực tập, thảo luận: 889 giờ;

Kiểm tra: 58 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun tự chọn: 300 giờ; số tín chỉ: 12 tín chỉ.

3. Nội dung chương trình:

3.1. Nội dung chương trình môn học, mô đun bắt buộc.

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	46	1110	324	741	45
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	12	225	129	84	12
MH 07	Vật liệu học	1	15	14	0	1
MH 08	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 10	An toàn lao động	1	15	14	0	1
MĐ 11	Điện tử cơ bản	2	45	15	28	2
MĐ 12	Thực hành Nguội cơ bản	2	45	15	28	2

MĐ 13	Thực hành Hàn cơ bản	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	885	195	657	33
MĐ 14	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	45	15	28	2
MĐ 15	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	3	75	15	57	3
MĐ 16	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	75	15	57	3
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	45	15	28	2
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	28	2
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	75	15	57	3
MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	4	90	30	56	4
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	90	30	56	4
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	28	2
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	15	28	2
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	45	15	28	2
MĐ 25	Thực tập tại cơ sở sản xuất	5	210	0	206	4
	Cộng/Tỷ lệ %	58	1365	418 (31%)	889 (65%)	58 (4%)
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	12	300	60	226	14
	Tổng cộng/Tỷ lệ %	70	1665	478 (29%)	1115 (67%)	72 (4%)

3.2. Nội dung chương trình mô đun tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
MĐ 26	Thực hành mạch điện cơ bản	3	75	15	57	3
MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa trên xe ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 29	Kiểm tra và sửa chữa Pan ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	3	75	15	57	3
MĐ 31	Kỹ thuật lái xe ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 32	Bảo dưỡng hệ thống phanh ABS	3	75	15	57	3
MĐ 33	Kiểm tra và hiệu chỉnh động cơ	3	75	15	57	3
MĐ 34	Kỹ thuật kiểm định ô tô	3	75	15	57	3
MĐ- KNS 1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ- KNS 2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
	Cộng	27	675	135	511	29

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình.

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

- Chương trình môn học, mô đun đào tạo (*nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo*). Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, Doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất

Nhà trường, sẽ tiến hành lựa chọn một trong các mô đun trong chương trình mô đun tự chọn với tổng số giờ là: 300 giờ.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất;

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện học sinh;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan thực tế (ngoại khóa)	01 lần/ năm học

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn học hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

4.5. Các chú ý khác.

Bố trí thời gian học trong tuần:

- Lý thuyết: Tối đa 30 giờ/tuần

- Thực hành/tích hợp: Tối đa 40 giờ/tuần.

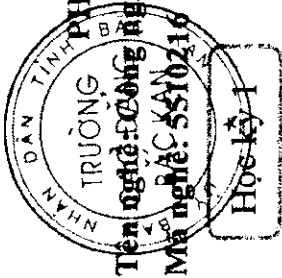
- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

- Có thể sử dụng một số mô đun đào tạo trong chương trình nêu trên để xây dựng chương trình trình độ sơ cấp (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ Trung cấp./.

HIỆU TRƯỞNG

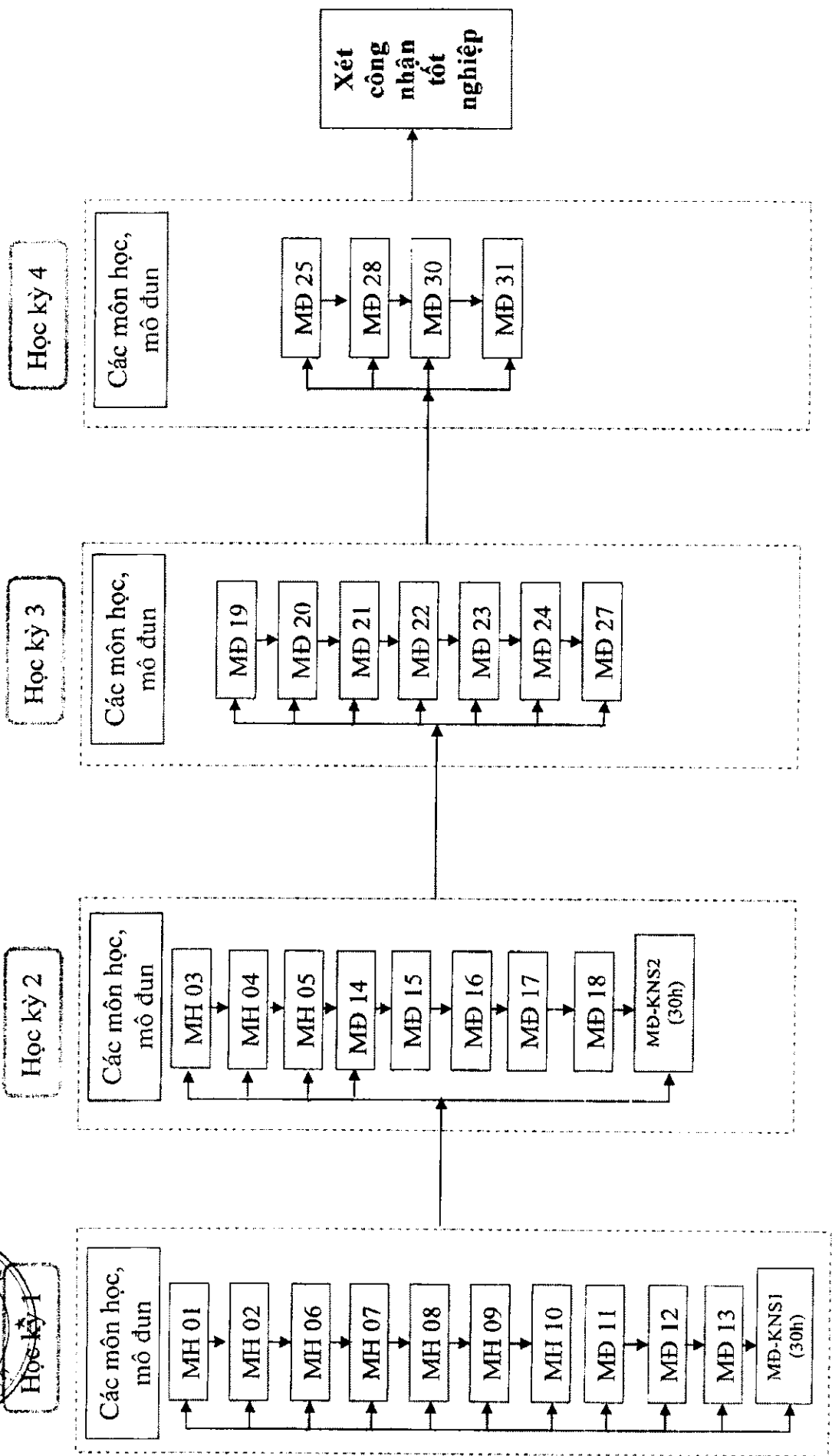


Trịnh Tiến Long



PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên ngành: Công nghệ ô tô
Mã ngành: 5510210



Số: 396 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Chăn nuôi – Thú y
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Chăn nuôi – Thú y, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Chăn nuôi – Thú y	5620120	1.680	73

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Nông lâm và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .m

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diêu, Chung, Tùng; Ảnh;

Gửi bản giấy:

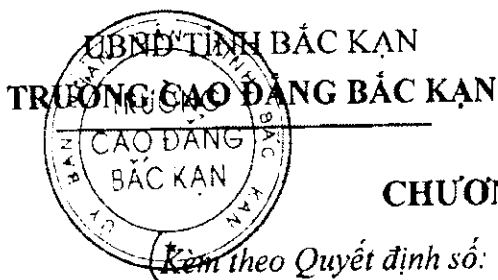
- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, DT

TĐL

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO***(Kèm theo Quyết định số: 396/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021**của Trường Cao đẳng Bắc Kạn)***Tên ngành, nghề:** Chăn nuôi – thú y**Mã ngành, nghề:** 5620120**Trình độ đào tạo:** Trung cấp**Hình thức đào tạo:** Chính quy - Phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ hoặc mô đun**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương**Thời gian đào tạo:**

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở học song song chương trình trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **02 năm**.

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở không học hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **1,5 năm**.

1. Mục tiêu đào tạo**1.1. Mục tiêu chung**

Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

- Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị các bệnh phổ biến cho một số loài vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

1.2. Mục tiêu cụ thể**1.2.1. Kiến thức:**

- Mô tả được:

- + Vị trí, hình thái, cấu tạo, chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

- + Nguyên lý cấu tạo, quy trình sử dụng các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.

- + Quy trình chuẩn bị thức ăn, nước uống và chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi.

+ Quy trình phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

+ Phương pháp khuyến cáo cho các hộ chăn nuôi về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh.

- Xác định được:

+ Các nhóm thuốc, vắc xin thường dùng trong chăn nuôi thú y.

+ Nguyên nhân của một số bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Xây dựng được phác đồ điều trị những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

1.2.2. Kỹ năng:

- Thực hiện được quy trình mổ khám, mổ giải phẫu, phát hiện được bệnh tích trong cơ thể vật nuôi.

- Lựa chọn được các nhóm thuốc, vaccin để phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

- Sử dụng được các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.

- Chuẩn bị được: Chuồng trại, thức ăn, nước uống cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Thực hiện được: Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Chẩn đoán và điều trị được những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và các hộ chăn nuôi.

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.

- Đảm bảo vệ sinh dịch tễ và vệ sinh môi trường.

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thú y viên cơ sở.

- Kỹ thuật viên trong các công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y.

- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi - thú y.

- Có thể học liên thông lên trình độ Cao đẳng, Đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 25

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.680 giờ, 73 tín chỉ

+ Khối lượng các môn học chung: 255 giờ, 12 tín chỉ

+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.430 giờ, 61 tín chỉ

+ Khối lượng các mô đun tự chọn: 210 giờ, 09 tín chỉ

+ Khối lượng lý thuyết: 565 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập: 1.033 giờ; Kiểm tra: 82 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/M Đ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	58	1.430	459	918	53
<i>II.1</i>	<i>Các môn học cơ sở</i>	<i>21</i>	<i>375</i>	<i>206</i>	<i>136</i>	<i>23</i>
MH 07	Giải phẫu – sinh lý vật nuôi	4	75	40	30	5
MH 08	Dược lý thú y	4	75	40	30	5
MH 09	Giống vật nuôi	2	45	15	18	2

MH 10	Luật Thú y	2	30	28	0	2
MH 11	Chẩn đoán và điều trị học thú y	2	45	15	28	2
MH 12	Ký sinh trùng thú y	4	75	40	30	5
MH 13	Phòng và trị bệnh chung cho nhiều loài gia súc và người	2	30	28	0	2
II. 2	Các mô đun chuyên ngành	31	855	193	642	20
MĐ 14	Thức ăn chăn nuôi	3	60	28	30	2
MĐ 15	Bệnh nội, ngoại, sản khoa	2	45	15	28	2
MĐ 16	Kỹ thuật truyền giống	3	60	30	28	2
MĐ 17	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở lợn	4	90	30	56	4
MĐ 18	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở gia cầm	4	90	30	56	4
MĐ 19	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở gia súc nhai lại	4	90	30	56	4
MĐ 20	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở chó, mèo	3	60	30	28	2
MĐ 21	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0
II. 3	Các mô đun tự chọn	09	210	60	140	10
MĐ 22	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở ong mật	2	45	15	28	2
MĐ 23	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở ngựa, thỏ	3	60	30	28	2
MĐ 24	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở cá nước ngọt	2	45	15	28	2
MĐ-KNS 1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ-KNS 2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
MĐ 25	Quản lý kinh tế hộ trang trại	3	45	15	28	2
MĐ 26	Phòng trị bệnh thường xảy ra ở động vật hoang dã	3	60	30	28	2

MĐ 27	Chăn nuôi và phòng trị bệnh thường xảy ra ở lợn, ếch, ba ba	3	60	30	28	2
Tổng		73	1.680	565	1.033	82
Tỷ lệ (%)				33,80	61,72	

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong thời gian đào tạo, ngoài thời gian thực học Nhà trường có thể tổ chức một số hoạt động ngoại khóa như sau:

- Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên: 4 - 6 giờ.
- Giáo dục về giới tính: 4 – 6 giờ.
- Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 4 giờ.
- Tham gia phong trào thanh niên tình nguyện: 8 - 24 giờ
- Tổ chức diễn đàn “thanh niên lập nghiệp” phát triển kinh tế gia đình: 4 - 6 giờ.
- Thăm quan học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y: 8 - 24 giờ.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học/mô đun

Việc kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được áp dụng theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được quy định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của học sinh để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Hướng dẫn khác

- Đối với môn học/ mô đun: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết. Thời gian kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở học song song chương trình trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tối đa 20 giờ/tuần. Thời gian nghỉ hè hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông có thể bố trí học tối đa 40 giờ/tuần.

- Đối tượng đã học xong trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở không học hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tối đa 30 - 40 giờ/tuần.

- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 2 chương trình GDTX và trung cấp), học không quá 30 giờ/tuần (Đối với đối tượng tốt nghiệp THPT và THCS không học hệ GDTX). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*

+ Thực hành, thực tập: Tối đa 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS), 40 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THPT). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện của trường có thể chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

- Hướng dẫn phần modul tự chọn: Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn trong các mô đun trong chương trình tự chọn với tổng số giờ tối đa là 210 giờ.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

HIỆU TRƯỞNG

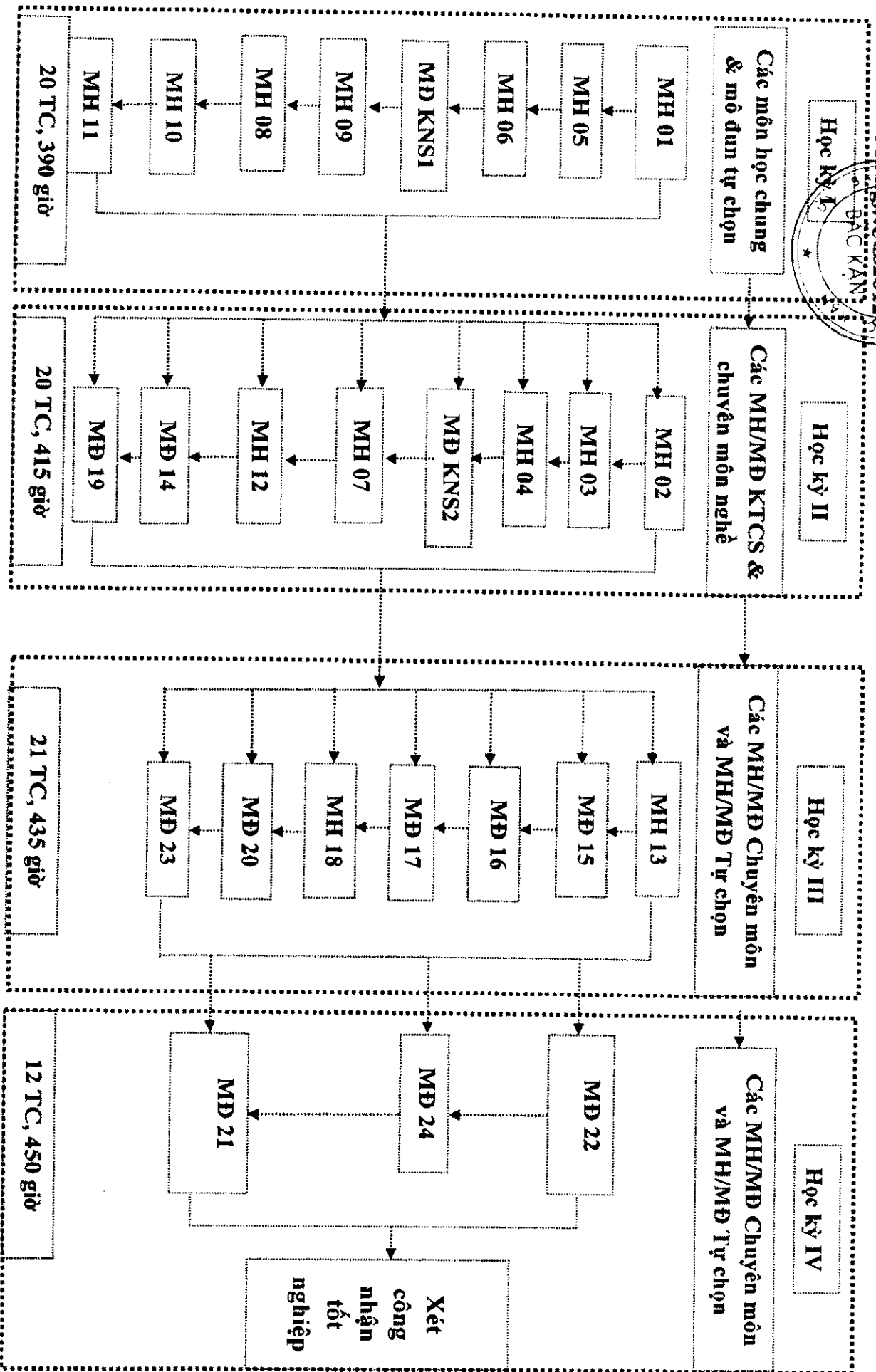


Trịnh Tiến Long

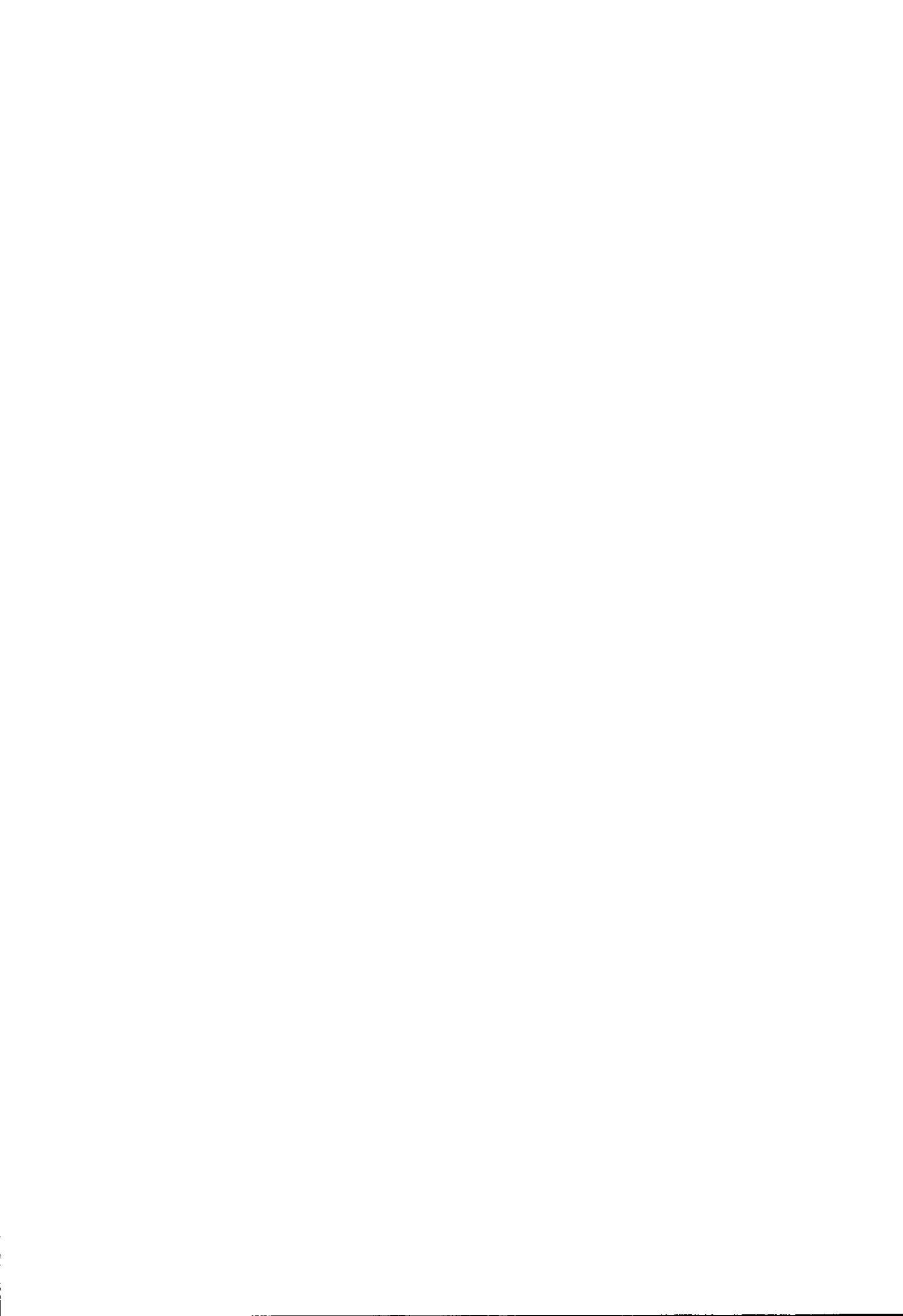
PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên ngành: **Chăm sóc người thu y**

Mã ngành: **5620120**



8





Số: 397 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: **Điện công nghiệp**
(**sửa đổi, bổ sung**), trình độ: **Trung cấp**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Điện công nghiệp, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Điện công nghiệp	5520227	1695	71

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ điện và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

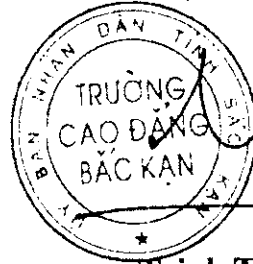
Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng, Ánh;

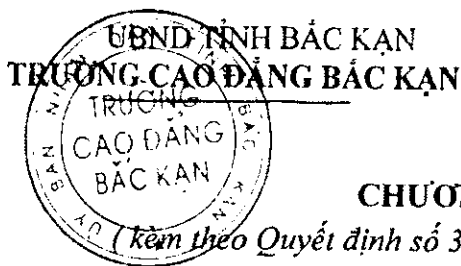
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(kèm theo Quyết định số 397/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 5520227

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS, trung học phổ thông và tương đương

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 02 chương trình: Chương trình trung cấp và chương trình GDTX cấp trung học phổ thông: **02 năm.**

- Đối tượng tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp THCS nhưng không học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **1,5 năm.**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung: Kết thúc khoá học người học có khả năng

- Chương trình đào tạo nghề "Điện công nghiệp" trình độ trung cấp nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức tốt, có lương tâm nghề nghiệp có khả năng làm việc trong lĩnh vực như bảo dưỡng hệ thống điện, điện công nghiệp xây dựng, trong các công ty, tòa nhà...

- Chương trình nghề Điện công nghiệp trang bị cho người học kiến thức lý thuyết chuyên môn nghề và kỹ năng thực hành về Điện công nghiệp;

- Người học có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ cho mình.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Kiến thức

- Hiểu được các biện pháp an toàn về lĩnh vực nghề điện:

+ Lắp đặt.

+ Sửa chữa.

+ Vận hành.

- Mô tả cấu tạo, nguyên lý hoạt động của:

+ Khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng.

+ Mạch điện máy công cụ.

+ Mạch điện dân dụng.

- Đọc Hiểu được các ký hiệu trong:

+ Mạch điện máy công cụ.

+ Mạch điện dân dụng.

- Phân tích được sự cố thường gặp, đề ra hướng giải quyết sự cố trong.

+ Khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng.

+ Mạch điện máy công cụ.

+ Mạch điện trong dân dụng.

- Trình bày quy trình kiểm tra bảo trì, sửa chữa, lắp đặt, vận hành:

+ Khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng.

+ Mạch điện máy công cụ.

+ Mạch điện trong dân dụng.

- Tiếng Anh bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

* Kỹ năng

- Thực hiện đúng qui định an toàn điện.

- Sửa chữa, bảo trì, được một số khí cụ điện, máy điện, thiết bị điện gia dụng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Lắp đặt được một số mạch điện máy công cụ và mạch điện dân dụng theo bản vẽ thiết kế hoặc có người hướng dẫn.

- Vận hành được các thiết bị điện trong máy công cụ, phân xưởng, nhà máy, tòa nhà.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành kỷ luật và tác phong công nghiệp;

- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc;

- Tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, thiết bị máy móc, bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng trong quá trình làm việc;

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm, hướng dẫn, điều hành, đánh giá hoạt động, viết kết quả thực hiện của nhóm;

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhận các công việc vận hành, bảo trì, sửa chữa các thiết bị điện, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp;

- Làm việc trong các tổ cơ điện, phòng bảo trì, sửa chữa thiết bị điện của các nhà máy, phân xưởng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 25

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1695 giờ (71 Tín chỉ).

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ (12 tín chỉ).
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1440 giờ (59 tín chỉ).
- Khối lượng lý thuyết: 544 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1076 giờ; Kiểm tra: 75 giờ.
- Khối lượng kiến thức phân tự chọn: 330 giờ (13 Tín chỉ).

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, TN, TL, BT	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng – An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	59	1440	450	928	62
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	14	270	152	102	16
MH 07	An toàn điện	1	15	13	0	2
MH 08	Mạch điện	3	60	27	30	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật, vẽ điện	2	30	28	0	2
MĐ 10	Điện tử cơ bản	3	60	30	27	3
MH 11	Vật liệu điện khí cụ điện	3	45	42	0	3

MĐ 12	Hàn điện cơ bản	2	60	12	45	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	32	840	208	602	30
MĐ 13	Đo lường điện	3	60	30	27	3
MĐ 14	Máy điện	5	120	30	85	5
MĐ 15	Cung cấp điện	2	30	28	0	2
MĐ 16	Trang bị điện 1	6	150	30	115	5
MĐ 17	Điện tử công suất	3	60	30	27	3
MĐ 18	PLC cơ bản	4	90	30	56	4
MĐ 19	Điều khiển khí nén	3	60	30	27	3
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	265	5
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	13	330	90	224	16
MĐ 20	Thiết bị điện gia dụng	3	75	15	57	3
MĐ 21	Kỹ thuật lắp đặt điện	4	105	15	85	5
MĐ 22	Chuyên đề Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	2	45	15	28	2
MĐ 23	Máy biến tần	2	45	15	28	2
MĐ - KNS1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ - KNS2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
MĐ 24	Điện tử ứng dụng	4	90	30	55	5
MĐ 25	Trang bị điện 2	3	60	30	27	3
	Tổng cộng	71	1695	514	1106	75
	Tỷ lệ % Lý thuyết/Thực hành			30,32 %	69,67%	

* **Ghi chú:** Đối với môn học, mô đun tự chọn căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu người học sẽ lựa chọn tối thiểu 330 giờ, 13 tín chỉ

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo các Thông tư, văn bản qui định hiện hành của Bộ lao động – Thương binh & Xã hội và các Bộ liên quan đã ban hành.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học có thể bố trí cho học sinh tham quan, thực tập tại một số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, mời Hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn trường chủ trì;

Thời gian thực hiện các hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau đây:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm trong năm, ngoài giờ trên lớp
2	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
3	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể ...	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt chuyên đề...
4	Tham quan, dã ngoại	Mỗi năm một hoặc hai lần
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên bộ môn/ khoa và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ kết quả các môn học, mô đun và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

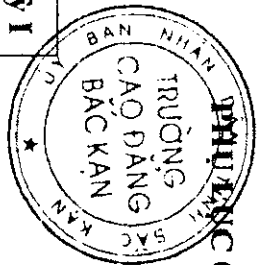
4.5. Các chú ý khác

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo tính bằng tuần và giờ học.
- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được qui đổi như sau:
 - + Một (01) giờ học thực hành, mô đun là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.
 - + Một (01) ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đun không quá 08 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 06 giờ.
 - + Một (01) tuần học không quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.
- Bố trí thời gian học trong tuần:
 - + Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 2 chương trình GDTX và trung cấp), học không quá 30 giờ/tuần (Đối với đối tượng tốt nghiệp THPT và THCS không học hệ GDTX). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*
 - + Thực hành, thực tập: Tối đa 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS), 40 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THPT). *Trường trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.*
- Hướng dẫn phân mô đun tự chọn: Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, căn cứ nhu cầu người học, điều kiện thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn các mô đun trong chương trình đào tạo với tổng số giờ tối thiểu là 330 giờ.
- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long

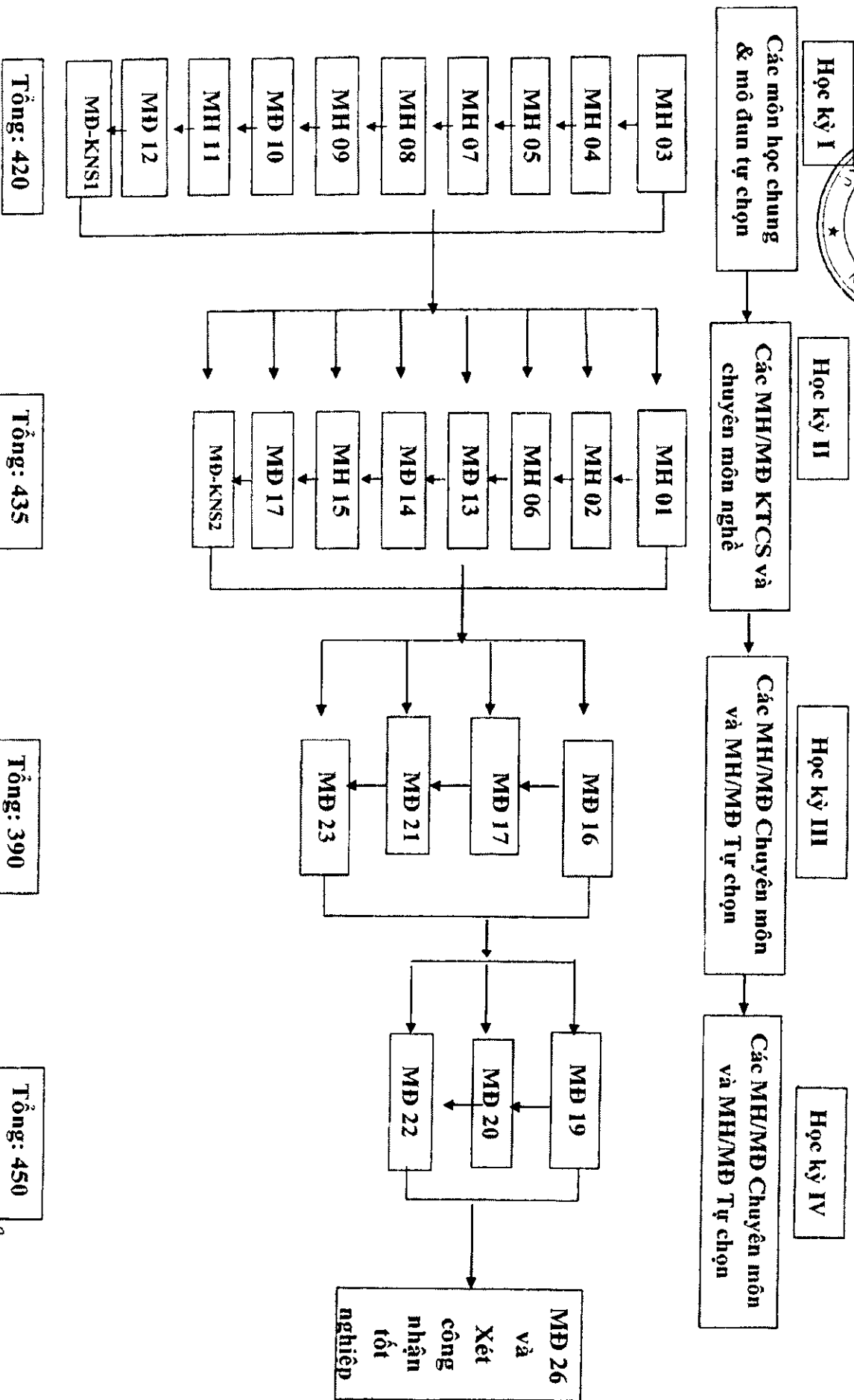


PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC MÔ ĐUN

TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên nghề: Điện công nghiệp

Mã nghề: 5520227







Số: 398 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Điện dân dụng
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Điện dân dụng, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Điện dân dụng	5520226	1695	72

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ điện và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *l. p*

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ảnh;

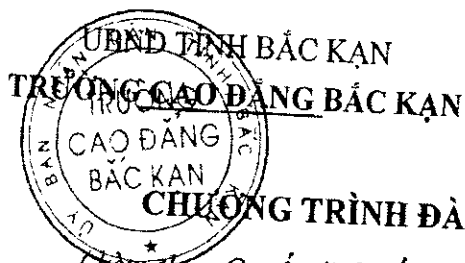
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. *HL*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(kèm theo Quyết định số: 398/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Điện dân dụng

Mã nghề: 5520226

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS, trung học phổ thông và tương đương.

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 02 chương trình: Chương trình trung cấp và chương trình GDTX cấp trung học phổ thông: 02 năm

- Đối tượng tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp THCS nhưng không học chương trình GDTX cấp trung học phổ thông: 1,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

- Sau khi học xong chương trình này người học sẽ có những kiến thức cơ bản về điện; có khả năng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt được các thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp đảm bảo yêu cầu; có thể làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

* Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm cơ bản, công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại thiết bị điện sử dụng trong nghề điện dân dụng, điện công nghiệp;

- Hiểu được cách đọc các bản vẽ thiết kế của nghề điện dân dụng, điện công nghiệp;

- Vận dụng được các nguyên tắc trong lắp đặt phụ tải cho một căn hộ, xí nghiệp;

- Vận dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn để giải thích các tình huống trong lĩnh vực điện dân dụng, điện công nghiệp;

- Tiếng Anh bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

*** Kỹ năng:**

- Lắp đặt được hệ thống điện cho căn hộ, nhà xưởng đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành được các thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn;
- Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, kiểm tra điện và phát hiện kịp thời các sự cố về điện;
- Đọc được bản vẽ sơ đồ thiết kế điện dân dụng, điện công nghiệp đơn giản;
- Tự học tập nâng cao trình độ theo đúng chuyên ngành;
- Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm;
- Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng tiếp nhận, ghi chép và chuyên thông tin theo yêu cầu; biết được yêu cầu, tiêu chuẩn, kết quả đối với công việc ở các vị trí làm việc xung quanh hoặc công việc có liên quan; có khả năng phân tích những hư hỏng thường gặp, nguyên nhân và đề ra được hướng khắc phục; chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của mình.

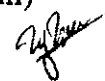
1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể:

- Tự mở cửa hàng nhận lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng và thiết bị điện gia dụng;
- Phụ trách vận hành bảo dưỡng hệ thống điện trong các cơ quan;
- Làm việc tại các tổ điện trong các nhà máy.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.695 giờ (72 tín chỉ)
- + Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ (12 tín chỉ)
- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.440 giờ (61 tín chỉ)
- + Khối lượng lý thuyết: 531; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.090 giờ, kiểm tra 74 giờ
- + Khối lượng kiến thức phần tự chọn: 240 giờ (10 Tín chỉ)



3. Nội dung chương trình

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	60	1440	437	942	61
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	14	270	152	102	16
MH 07	An toàn điện	1	15	13	0	2
MH 08	Mạch điện	3	60	27	30	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật, vẽ điện	2	30	28	0	2
MD 10	Điện tử cơ bản	3	60	30	27	3
MH 11	Vật liệu điện-khí cụ điện	3	45	42	0	3
MD 12	Hàn điện cơ bản	2	60	12	45	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	35	930	195	703	32
MD 13	Đo lường điện	3	60	30	27	3
MD 14	Máy biến áp-Máy phát điện	3	45	15	27	3
MD 15	Động cơ điện xoay chiều không đồng bộ một pha	4	90	30	57	3

MĐ 16	Động cơ điện xoay chiều không đồng bộ ba pha	3	75	15	57	3
MĐ 17	Động cơ điện vạn năng	2	45	15	28	2
MĐ 18	Kỹ thuật lắp đặt điện	5	120	30	85	5
MĐ 19	Thiết bị lạnh gia dụng	5	120	30	85	5
MĐ 20	Thiết bị điện gia dụng	4	105	30	72	3
MĐ 26	Thực tập sản xuất	6	270	0	265	5
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	11	240	60	167	13
MĐ 21	Trang bị điện	4	90	30	55	5
MĐ 22	Kỹ thuật cảm biến	2	45	15	28	2
MĐ 23	Chuyên đề điều khiển lập trình cỡ nhỏ	3	60	30	27	3
MĐ 24	Máy biến tần	2	45	15	27	3
MĐ 25	Điện tử ứng dụng	3	60	30	27	3
MD-KNS1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ - KNS2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
	Tổng cộng	72	1695	501	1120	74
	Tỷ lệ % lý thuyết và thực hành			29.5%	70.4%	

Ghi chú: Đối với môn học, mô đun tự chọn căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu người học sẽ lựa chọn tối thiểu 240 giờ, 11 tín chỉ,

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Do Bộ Lao Động – Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để học sinh có đầy đủ nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, bố trí học sinh tham quan, thực tập tại một số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Để giáo dục đạo đức truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa cách mạng, mời hội cựu chiến binh địa phương giáo dục, tham gia các hoạt động xã hội do đoàn trường chủ trì;

- Thời gian thực hiện các hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau đây:

Nội dung	Thời gian
1. Văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao	Vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm trong năm, ngoài giờ lên lớp
2. Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Vào tất cả các ngày làm việc trong tuần
3. Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt chuyên đề...
4. Tham quan giả ngoại	Mỗi năm, một hoặc hai lần
5. Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên bộ môn/khoa và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là TT 09) và quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Bắc Kạn và Quyết định của Bộ LĐTB&XH.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: + Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 8 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được quy định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ các kết quả môn học mô đun và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng tuần và giờ học.

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau:

+ Một(01)giờ thực hành , mô đun là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

+ Một(01) ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô đun không quá 8 giờ học; Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ..

+ Một(01) tuần học không quá 40 giờ thực hành và 30 giờ lý thuyết.

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/ tuần(đối với đối tượng tốt nghiệp THCS)học song song 02 chương trình GDTX và trung cấp), học không quá 30 giờ/tuần(đối với đối tượng tốt nghiệp PTTH và THCS không học hệ GDTX). Trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.

+ Thực hành thực tập: Tối đa 30giờ/tuần(đối với đối tượng trung học cơ sở), 40 giờ/tuần(đối với đối tượng tốt nghiệp THPT). Trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.

- Hướng dẫn phân tự chọn: Trong quá trình thực hiện trương trình đào tạo, căn cứ vào nhu cầu người học, điều kiện thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn cơ sở vật chất của nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn các mô đun trong trương trình đào tạo với tổng số giờ tối thiểu là 240 giờ.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, để đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.



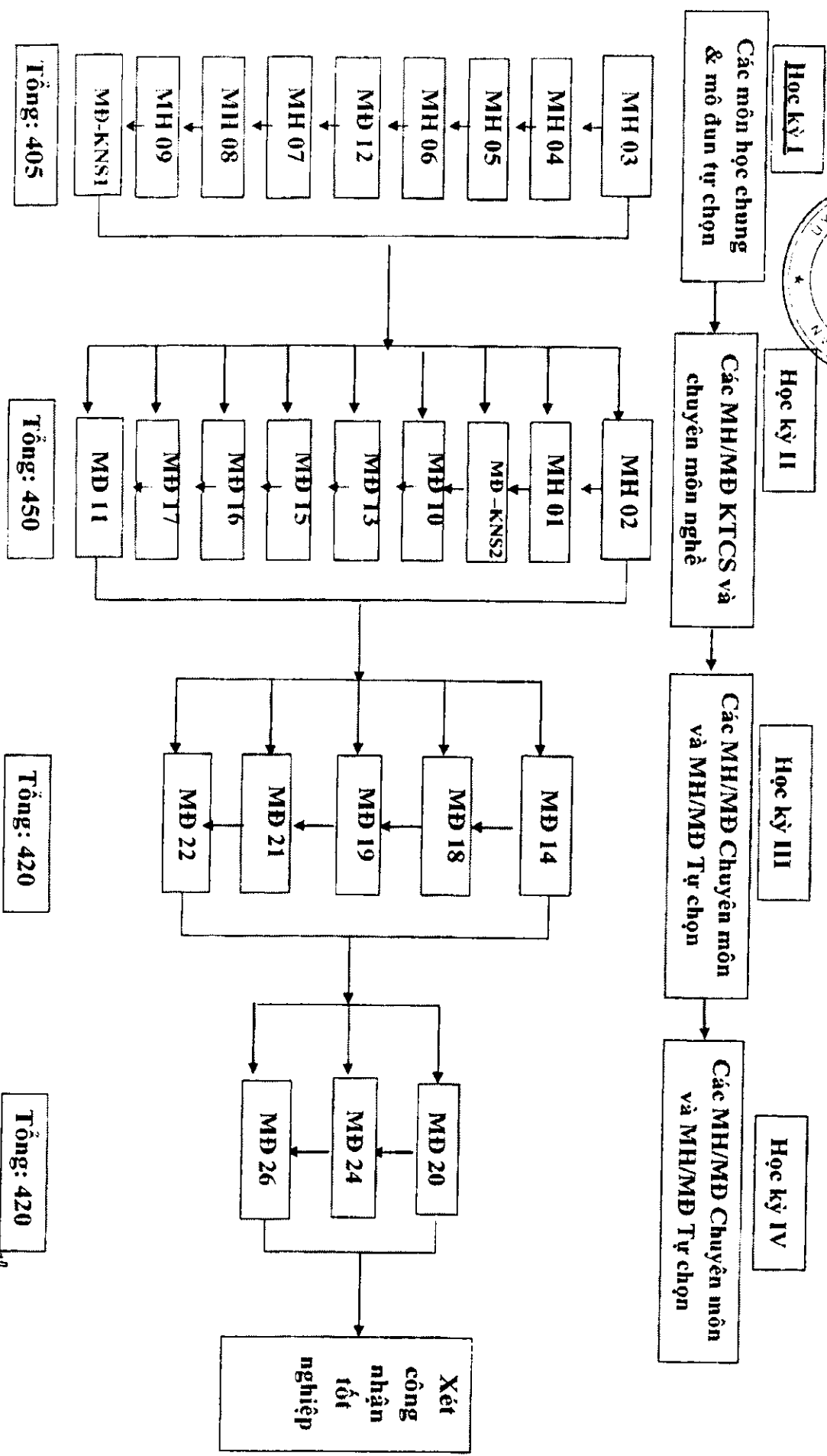
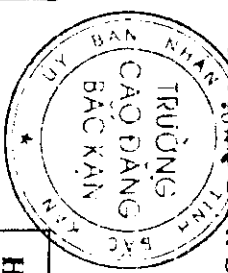

Trịnh Tiến Long

PHẦN DỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC MÔ ĐUN

TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Điện dân dụng

Mã nghề: 5520226



[Handwritten signature]



UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 354 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Tin học ứng dụng,
trình độ: Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Tin học ứng dụng, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Tin học ứng dụng	5480206	1.620	67

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Tổng hợp và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ảnh;

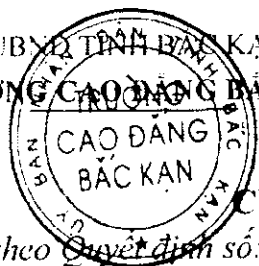
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 354/QĐ-CĐBK ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Tin học ứng dụng

Mã nghề: 5480206

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức tích lũy mò đun hoặc tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.

Thời gian đào tạo:

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở học song song chương trình trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **02 năm**.

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở không học hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **1,5 năm**.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm kiếm việc làm hoặc tự tạo việc làm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, củng cố Quốc phòng – an ninh.

- Sau khi tốt nghiệp, học sinh có kiến thức và kỹ năng về công tác tin học, đảm đương được công việc của chuyên viên và nhân viên trong lĩnh vực CNTT.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức

+ Trang bị những nhóm kiến thức cơ bản về khoa học máy tính, kỹ thuật phần mềm, truyền thông và mạng máy tính, công nghệ thông tin và kiến thức chuyên sâu về hệ thống thông tin gồm kiến thức về toán ứng dụng đảm bảo trong tính toán, kiến trúc máy tính, nguyên lý hệ điều hành trong khoa học máy tính, một số ngôn ngữ lập trình, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu, cấu trúc giải thuật trong công nghệ phần mềm, lý thuyết hệ thống, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin

và một số hệ thống thông tin gắn liền với quản lý hành chính công.

+ Biết vận dụng các kiến thức cơ bản để triển khai xây dựng các hệ thống thông tin quản lý, khai thác, sử dụng phục vụ quản lý điều hành trong các lĩnh vực hành chính, kinh tế, và xã hội.

- Kỹ năng

+ Thực hiện tốt công việc tin học văn phòng.

+ Có khả năng tự cài đặt, lắp ráp, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa máy tính.

+ Có khả năng triển khai các dự án về hệ thống thông tin, khai thác và phát triển các phần mềm phục vụ hoạt động của các cơ quan, doanh nghiệp.

+ Thiết kế, lập trình và quản trị các Website.

+ Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt; có khả năng hợp tác, làm việc nhóm và làm việc độc lập để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

- Thái độ

+ Có thái độ đúng đắn với nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, trung thực, có ý thức bảo vệ, bảo đảm an toàn, bảo mật, bản quyền về thông tin, có trách nhiệm với công việc được giao.

+ Có phẩm chất chính trị và đạo đức của chuyên viên làm công tác công nghệ thông tin; có lập trường tư tưởng vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có lòng say mê, yêu nghề có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trách nhiệm xã hội.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng làm việc tại các Trung tâm Thông tin của các cơ quan Nhà nước, các công ty, doanh nghiệp. Đảm nhận được các vị trí như: nhân viên tin học văn phòng, nhân viên quản lý bảo trì sửa chữa máy tính ở các cơ quan, giảng dạy tại các trung tâm tin học, nhân viên kỹ thuật ở các công ty bán máy tính hoặc tự mở cơ sở kinh doanh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 23

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1620 giờ; 67 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

MĐ 13	Photoshop	3	75	30	43	2
MĐ 14	Mạng máy tính	3	75	15	58	2
MĐ 15	Kiến trúc máy tính	3	60	30	28	2
MĐ 16	Thực hành lắp ráp, cài đặt	5	120	30	85	5
MĐ 17	Thiết kế Web	3	75	30	43	2
MĐ 18	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	13	315	75	227	13
MĐ-KNS1	Kỹ năng sống 1	1	30		28	2
MĐ-KNS2	Kỹ năng sống 2	1	30		28	2
MĐ 19	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	60	30	28	2
MĐ 20	Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng	3	75	15	57	3
MĐ 21	Cài đặt, thiết lập, quản lý và vận hành mạng LAN	3	75	15	58	2
MĐ 22	Đồ hoạ ứng dụng	4	90	30	57	3
MĐ 23	Lập trình trên Windows	4	90	30	57	3
MĐ 24	Bảo trì hệ thống máy tính	4	90	30	57	3
TỔNG CỘNG		67	1620	454	1115	51
TỶ LỆ				28.02%	68.83%	3.15%

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành 06 môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các trường cần tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa với một số nội dung và thời gian cụ thể sau:

* Nội dung:

- Học Chính trị đầu khóa
- Phổ biến các qui chế đào tạo nghề, nội qui của trường và lớp học

- Văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao
- Học tập, đọc sách, báo trên thư viện
- Đi thực tế theo nội dung của từng môn học.

* Thời gian: Thời gian hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và quy định của Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Hiệu trưởng căn cứ kết quả các môn học/mô đun và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Hướng dẫn khác

* *Bố trí thời gian học trong tuần:*

- Lý thuyết, thực hành và tích hợp:
 - + Đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở học song song chương trình trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tối đa 30 giờ/tuần. Thời gian nghỉ hè hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông có thể bố trí học tối đa 40 giờ/tuần


+ Đối tượng đã học xong trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở không học hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tối đa 40 giờ/tuần

- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần
- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện của trường có thể chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

* *Hướng dẫn phân modul tự chọn:*

Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất nhà

trường sẽ tiến hành lựa chọn trong các mô đun trong chương trình tự chọn với tổng số giờ tối đa là 315 giờ. ✓

HIỆU TRƯỞNG

***Trịnh Tiến Long**

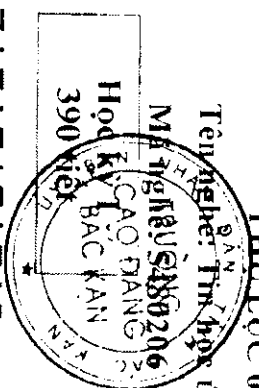
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

PHIẾU 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên/ghệ: **Tên ứng dụng**

Mã tài liệu: **SAB0206**

Học kỳ: **CAO ĐẲNG**
390 tiết

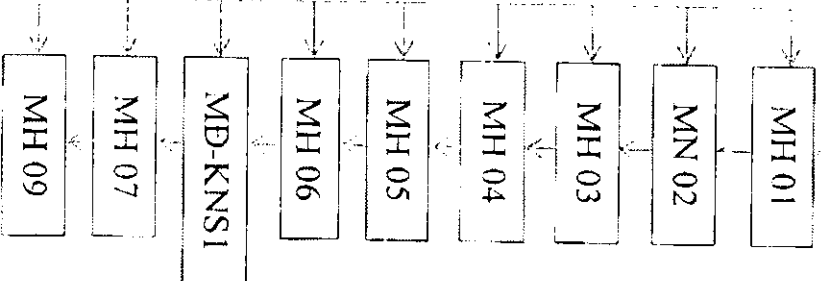


Học kỳ II
435 tiết

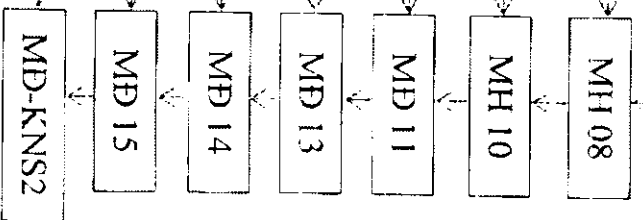
Học kỳ III
435 tiết

Học kỳ IV
360 tiết

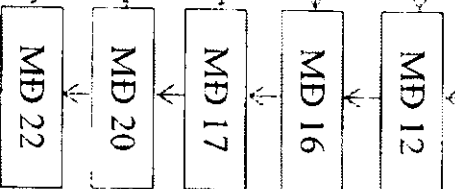
Các MH chung/MD tự chọn



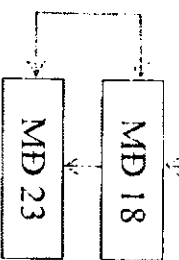
Các MH/MD chuyên môn



Các MH/MD chuyên môn



Các MH/MD chuyên môn



Xét công nhận tốt nghiệp



UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 394 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Trung cấp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật, trình độ Trung cấp:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	1.680	72

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Nông lâm và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhãn, Diệu, Chung, Tùng;

Gửi bản giấy:

- ĐT (Ảnh);
- Lưu: VT, ĐT (Nhãn 5 bản). *HHL*



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Kèm theo Quyết định số: 394/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021

của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Mã ngành, nghề: 5620111

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ hoặc mô đun

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương.

Thời gian và hình thức đào tạo:

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở học song song chương trình trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **02 năm.**

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở không học hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: **1,5 năm.**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

Thực hiện được quy trình trồng, chăm sóc, dự tính - dự báo và phòng trừ được một số loại dịch hại phổ biến trên các cây trồng chính. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và sức khỏe cộng đồng. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được:

+ Các phương pháp thí nghiệm.

+ Quá trình sinh lý xảy ra trong cơ thể thực vật và mối quan hệ của quá trình đó với sự phát sinh, phát triển của dịch hại.

+ Quy trình trồng, chăm sóc và phòng trừ dịch hại trên cây trồng chính tại địa phương.

+ Các bước điều tra phát hiện nguyên nhân và dự tính dự báo dịch hại.

+ Các nhóm thuốc bảo vệ thực vật thường dùng trong nông lâm nghiệp.

- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

1.2.2. Kỹ năng:

- Trình diễn được phương pháp thí nghiệm.

- Xác định được mối quan hệ giữa các hoạt động, chức năng sinh lý trong các điều kiện môi trường và sự sinh trưởng phát triển của thực vật.

- Thực hiện được quy trình trồng, chăm sóc các cây trồng chính tại địa phương.

- Thực hiện được việc điều tra phát hiện nguyên nhân và dự tính dự báo dịch hại.

- Lựa chọn được nhóm thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với đối tượng dịch hại.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)

1.2.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm:

- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và trong nông hộ.

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.

- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kỹ thuật viên trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

- Có thể học liên thông lên trình độ cao đẳng, đại học về lĩnh vực trồng trọt, khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 26

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.680 giờ, 72 tín chỉ

Trong đó:

+ Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ, 12 tín chỉ

+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.425 giờ, 60 tín chỉ

+ Khối lượng lý thuyết: 504 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1119 giờ;
Kiểm tra: 57 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/M Đ/HP	Tên môn học, mô đun	Thời gian học tập (giờ)				
		Tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	2
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	50	1425	410	971	44
II.1	Các môn học cơ sở	11	240	80	150	10
MH 07	Bảo vệ môi trường	2	45	13	30	2
MH 08	Dinh dưỡng cây trồng và phân bón	2	45	13	30	2
MH 09	Khuyến nông đại cương	2	45	13	30	2
MH 10	Pháp luật chuyên ngành	2	45	13	30	2
MH 11	Sinh lý thực vật	3	60	28	30	2
II.2	Các mô đun chuyên môn	39	990	285	681	24
MĐ 12	Quản lý dịch hại tổng hợp	2	45	15	26	4
MĐ 13	Chọn tạo giống cây trồng	2	45	15	28	2
MĐ 14	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	3	60	30	28	2
MĐ 15	Trồng và quản lý dịch hại cây lương thực	3	60	30	28	2
MĐ 16	Trồng và quản lý dịch hại cây ăn quả	3	60	30	28	2
MĐ 17	Trồng và quản lý dịch hại cây công nghiệp ngắn ngày	3	60	30	28	2
MĐ 18	Trồng và quản lý dịch hại cây lâm nghiệp	3	60	30	28	2
MĐ 19	Trồng và quản lý dịch hại cây rau	3	60	30	28	2
MĐ 20	Trồng nấm ăn và nấm dược liệu	5	90	30	54	6
MĐ 21	Thực tập tốt nghiệp	12	450	45	405	0
II.3	Các mô đun tự chọn	10	195	45	140	10

MĐ 22	Sử dụng máy nông nghiệp	2	45	15	28	2
MĐ 23	Trồng cây dược liệu	2	45	15	28	2
MĐ 24	Trồng cây hoa	2	45	15	28	2
MĐ 25	Đa dạng sinh học	2	45	15	28	2
MĐ – KNS 1	Kỹ năng sống 1	1	30	0	28	2
MĐ – KNS 2	Kỹ năng sống 2	1	30	0	28	2
Tổng (I+)		72	1680	504	1119	57
Tỉ lệ (%)				31	66	3

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong thời gian đào tạo, ngoài thời gian thực học Nhà trường có thể tổ chức một số hoạt động ngoại khóa như sau:

- Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên: 4 - 6 giờ.
- Giáo dục về giới tính: 4 - 6 giờ.
- Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 4 giờ.
- Tham gia phong trào thanh niên tình nguyện: 8 - 24 giờ
- Tổ chức diễn đàn “thanh niên lập nghiệp” phát triển kinh tế gia đình: 4 - 6 giờ.
- Thăm quan học tập kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y: 8 - 24 giờ.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học/mô đun

Việc kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được áp dụng theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đơn hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của học sinh để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định hiện hành.

4.5. Hướng dẫn khác

- Đối với môn học/ mô đun: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết. Thời gian kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung học cơ sở học song song chương trình trung cấp và hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tối đa 20 giờ/tuần. Thời gian nghỉ hè hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông có thể bố trí học tối đa 40 giờ/tuần.

- Đối tượng đã học xong trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp trung học cơ sở không học hệ giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tối đa 30 - 40 giờ/tuần.

- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

- Bố trí thời gian học trong tuần:

+ Lý thuyết: Học không quá 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS học song song 2 chương trình GDTX và trung cấp), học không quá 30 giờ/tuần (Đối với đối tượng tốt nghiệp THPT và THCS không học hệ GDIX). Trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.

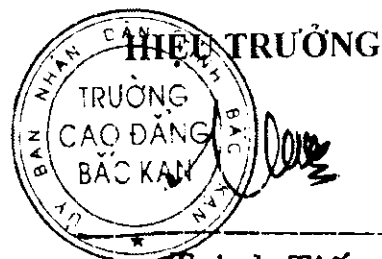
+ Thực hành, thực tập: Tối đa 30 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THCS), 40 giờ/tuần (đối với đối tượng tốt nghiệp THPT). Trường hợp bố trí học tăng cường trong kỳ nghỉ hè sẽ bố trí linh hoạt.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện của trường có thể chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

* Hướng dẫn phân modul tự chọn:

Trong quá trình thực hiện chương trình, căn cứ nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn tại địa phương, doanh nghiệp và thực tiễn tình hình cơ sở vật chất nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn trong các mô đun trong chương trình tự chọn với tổng số giờ tối đa là 195 giờ.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.



Trịnh Tiến Long

PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Trưởng ngành, nghề: Trồng trọt và bảo vệ thực vật
 Mã ngành, nghề: 5620111

